

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN TUẤN NAM

**HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ
HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT TỰ THỰC TIỄN
TRUNG TÂM DẠY NGHỀ TỰ THIỆN QUỲNH HOA,
HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN TUẤN NAM

**HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ
HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT TỰ THỰC TIỄN
TRUNG TÂM DẠY NGHỀ TỰ THIỆN QUỲNH HOA,
HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số: 8760101

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. HÀ THỊ THU

HÀ NỘI - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Hà Thị Thư.

Các số liệu, những kết luận nghiên cứu được trình bày trong khóa luận này hoàn toàn trung thực, được trích dẫn nguồn và trích dẫn đầy đủ.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Tác giả

Nguyễn Tuấn Nam

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận này, tôi đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ của các thầy giáo, cô giáo, bạn bè và gia đình.

Tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới TS. Hà Thị Thu, người đã tận tình hướng dẫn và truyền đạt cho tôi những kiến thức, kỹ năng và những bài học kinh nghiệm quý báu trong suốt thời gian thực hiện luận văn này.

Tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban giám hiệu, các thầy cô Khoa sau Đại học và tất cả các thầy giáo, cô giáo Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã trang bị kiến thức và tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong thời gian học tập, rèn luyện và trau dồi các kiến thức, kỹ năng.

Tôi xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt thành của Ban giám đốc, các cán bộ, nhân viên xã hội tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội trong thời gian qua đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi có thể hoàn thành tốt việc nghiên cứu, thu thập số liệu phục vụ cho luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	V
DANH MỤC BẢNG BIỂU	VI
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu	10
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	10
5. Phương pháp nghiên cứu	11
6. Những đóng góp mới của luận văn	13
7. Kết cấu của đề tài	14
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT	15
1.1. Khái niệm người khuyết tật và học nghề đối với người khuyết tật	15
1.1.1. Một số khái niệm	15
1.1.2. Đặc điểm cơ bản của người khuyết tật	20
1.2. Lý luận về hoạt động Công tác xã hội đối với người khuyết tật trong hoạt động học nghề	24

1.2.1. Khái niệm cơ bản	24
1.2.2. Các hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật	27
1.2.3. Một số lý thuyết cơ bản ứng dụng	32
1.3. Các yếu tố tác động đến việc thực hiện hoạt động công tác xã hội đối với người khuyết tật trong hoạt động nghề	
38	
1.3.1. Cơ chế chính sách	38
1.3.2. Cơ sở vật chất	39
1.3.3. Công tác xã hội viên	40
1.3.4. Người khuyết tật và gia đình người khuyết tật	41
1.4. Quan điểm của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước trong việc thực hiện hoạt động nghề cho người khuyết tật	
42	
1.4.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước trong việc thực hiện hoạt động nghề cho người khuyết tật	42
1.4.2. Chính sách pháp luật của Nhà nước đối với người khuyết tật	44
Tiểu kết chương 1	1
47	
Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT TỪ THỰC TIỄN TẠI TRUNG TÂM DẠY NGHỀ TỪ THIỆN QUỲNH HOA, HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
48	
2.1. Vài nét về địa bàn và khách thể nghiên cứu	
48	
2.1.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu	48
2.1.2. Đặc điểm khách thể nghiên cứu	51

2.2. Kết quả thực hiện hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh

Trì, thành phố Hà Nội
56

2.2.1. Hoạt động tư vấn tâm lý trước các khó khăn liên quan đến học nghề 56

2.2.2. Hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm 60

2.2.3. Hoạt động kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho NKT học nghề 64

2.2.4. Hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với người khuyết tật 67

2.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh

Hoa, thành phố Hà Nội
69

2.3.1. Cơ chế chính sách 69

2.3.2. Cơ sở vật chất 71

2.3.3. Đội ngũ công tác xã hội viên trong thực hiện hoạt động nghề tại Trung tâm 73

2.3.4. Người khuyết tật 75

Tiểu kết chương 2
77

Chương 3: ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT TỪ THỰC TIỄN TRUNG TÂM DẠY NGHỀ TỪ THIỆN QUỖNH HOA, HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

79

3.1. Cơ sở đề xuất biện pháp nâng cao hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật từ thực tiễn tại trung tâm

79

3.2.	Đề	xuất	biện	pháp
81				
3.2.1.	Biện pháp nâng cao chính sách hỗ trợ học nghề cho người khuyết tật			81
3.2.2.	Biện pháp nâng cao nhận thức của NKT đối với học nghề và việc làm			83
3.2.3.	Biện pháp tuyên truyền và nâng cao chất lượng học nghề và việc làm cho NKT			85
3.2.4.	Biện pháp phổ biến sự bình đẳng về vấn đề học nghề và việc làm đối với NKT cho toàn xã hội			87
Tiểu	kết	chương		3
89				
KẾT				LUẬN
90				
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO				
PHỤ LỤC				

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Nội dung
1	CTXH	Công tác xã hội
2	NVCTXH	Nhân viên công tác xã hội
3	NKT	Người khuyết tật
4	OSEDC	Tổ chức Hỗ trợ - Giáo dục trẻ em thiệt thòi
5	UBND	Ủy ban nhân dân
6	TYT	Trạm y tế

DANH MỤC BẢNG/BIỂU

1	Biểu đồ 1.1	Tỷ lệ giới tính tại Trung tâm	Trang 50
2	Biểu đồ 1.2	Các dạng tật của NKT tại Trung tâm	Trang 52
3	Biểu đồ 2.1	Mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ tâm lý trước những khó khăn liên quan đến học nghề tại Trung tâm	Trang 56
4	Biểu đồ 2.2	Hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm	Trang 58
5	Biểu đồ 2.3	Hoạt động kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho NKT học nghề	Trang 61
6	Biểu đồ 2.4	Đánh giá của học viên về sự phù hợp của các mô hình nghề trong hoạt động liên kết	Trang 63
7	Biểu đồ 2.5	Sự ảnh hưởng của cơ chế chính sách đến việc thực hiện hoạt động học nghề tại Trung tâm	Trang 66
8	Biểu đồ 2.6	Sự ảnh hưởng của cơ sở vật chất đến việc thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề tại Trung tâm	Trang 68
9	Biểu đồ 2.7	Sự ảnh hưởng của đội ngũ cán bộ NVCTXH đến việc thực hiện hoạt động tại Trung tâm	Trang 70
10	Biểu đồ 2.8	Sự ảnh hưởng của người khuyết tật đến việc thực hiện hoạt động tại Trung tâm	Trang 71

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Sau hơn 30 năm thực hiện đổi mới, Việt Nam đã bước vào nhóm những nước đang phát triển có thu nhập trung bình và đang tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Trong hơn 30 năm qua, chúng ta đã đạt được rất nhiều thành tựu cơ bản về tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Mức tăng trung bình này phù hợp với xu thế, bối cảnh của nền kinh tế thế giới và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ - một trong số các nước có sự tăng trưởng khá cao trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, với sự phát triển không đồng đều giữa các khu vực, giữa nông thôn và thành thị, giữa nhóm người có thu nhập cao với nhóm người có thu nhập thấp dẫn đến những bất công thiệt thòi đối với những nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội hiện nay: người nghèo, người khuyết tật, Trong văn kiện Đại hội Đảng XI nêu rõ: Phát triển kinh tế nhanh, bền vững, đồng thời “thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển” [22]. Bởi vậy, an sinh xã hội đã trở thành vấn đề trọng tâm trong các chiến lược phát triển của đất nước ta.

Ở nước ta hiện nay có khoảng 8 triệu người khuyết tật, chiếm 7,8% dân số do nhiều nguyên nhân như chiến tranh (nổ bom mìn còn sót lại), do điều kiện y tế và kiến thức về chăm sóc sức khỏe bà mẹ lúc mang thai còn nhiều hạn chế, do sử dụng các loại thực phẩm có chứa hóa chất bảo vệ thực vật, [1]. Đa số NKT sống ở những khu vực này thuộc diện nghèo và cận nghèo, số NKT còn trong độ tuổi lao động là 61% trong khả năng còn tham gia lao động chiếm 40%. Tuy nhiên trong số này chỉ có 30% đang tham gia lao động có thu nhập cho bản thân và gia đình. Họ chủ yếu làm nghề nông – lâm – ngư nghiệp và có thu nhập rất thấp so với các công việc khác [4, tr.5-6].

NKT có lẽ là những người luôn “phải” trải nghiệm những trạng thái, cảm xúc không mong muốn trong cuộc sống khi bị loại trừ khỏi các hoạt động trong đời sống hàng ngày. Mặc dù trên thế giới đã có rất nhiều nỗ lực để giúp NKT được bình đẳng hơn trong việc tiếp cận các cơ hội y tế, giáo dục và dịch vụ liên quan, cũng như hỗ trợ NKT tìm kiếm việc làm phù hợp mà họ mong muốn. Nhưng chúng ta vẫn luôn thấy rằng NKT tại mọi hoàn cảnh xã hội vẫn luôn là nhóm xã hội yếu thế, dễ bị tổn thương và nhận được ít thành quả kinh tế xã hội hơn nhóm không bị khuyết tật.

Công tác xã hội (CTXH) là một ngành khoa học xã hội ứng dụng, một nghề nghiệp chuyên môn được hình thành và phát triển từ cuối thế kỷ XIX. Cùng với sự vận động và phát triển của xã hội loài người, CTXH không ngừng được bổ sung, hoàn thiện trên cả phương diện lý thuyết và thực hành nhằm đáp ứng những nhu cầu của cuộc sống. CTXH có những đóng góp tích cực, to lớn đối với việc hướng tới xây dựng xã hội tiến bộ, bình đẳng, công bằng, văn minh ở đó mỗi thành viên có được một đời sống an toàn, đảm bảo nhu cầu thiết yếu về vật chất, tinh thần, được tôn trọng và tạo điều kiện phát triển toàn diện.

Các công trình nghiên cứu về CTXH với NKT hay những công trình nghiên cứu về hỗ trợ học nghề cho NKT đã có khá nhiều, nhưng những công trình nghiên cứu về hoạt động của CTXH trong hỗ trợ học nghề thì còn khá mới mẻ.

Vì những lý do trên, tôi chọn đề tài: ***“Hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật từ thực tiễn tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội”***.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

2.1. Nghiên cứu về chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật

Sau những năm 1980, Liên hợp quốc đã xây dựng các chương trình về người khuyết tật và lấy năm 1981 là năm của những người khuyết tật. Trong

khoảng thời gian này, nhiều nghiên cứu, nhiều dự án, chương trình hành động đã hướng tới các vấn đề của người khuyết tật.

Nghiên cứu nước ngoài “*Disability and social inclusion in Ireland, Brenda Gannon and Brian Nolan, 2011*” (*Khuyết tật và hòa nhập xã hội ở Ireland, Brenda Gannon and Brian Nolan, 2011*) [24]. Nghiên cứu xem xét NKT có hoàn cảnh khó khăn hòa nhập xã hội, trong đó nghiên cứu: thu nhập, trình độ học vấn, kinh tế, và tham gia xã hội ... và đồng thời chỉ ra rằng yếu tố mặc cảm tự ti là một trong những yếu tố cản trở NKT tham gia hòa nhập xã hội và 6 cuộc sống hàng ngày. Báo cáo này nêu lên sự khác biệt giữa NKT và không khuyết tật trong việc tham gia hòa nhập cộng đồng. Thông qua việc thống kê các số liệu thu thập được để đánh giá mức độ đói nghèo, sự tham gia giáo dục... của NKT. Đồng thời tìm hiểu thêm mức độ ảnh hưởng của NKT đến cuộc sống hàng ngày và tới những người khác. Báo cáo cũng nhấn mạnh đến yếu tố khuyết tật có ảnh hưởng lớn đến đời sống của NKT, thiết kế nơi làm việc không phù hợp với các dạng tật, sự kỳ thị của cộng đồng và việc tiếp cận giao thông đi lại còn khó khăn.

Cuốn sách “*Phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam đến năm 2020*” (2013) của Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ). Cuốn sách đưa ra những vấn đề chung về an sinh xã hội, nội dung cơ bản của Nghị quyết số 15-NQ/TW, các kết quả đã đạt được, những tồn tại của chính sách an sinh xã hội hiện hành và các định hướng chính sách cho giai đoạn từ nay đến năm 2020. Cuốn sách gồm hai phần là những vấn đề chung về an sinh xã hội và an sinh xã hội Việt Nam giai đoạn 2012-2020. Khẳng định đến năm 2020 cơ bản hình thành hệ thống an sinh xã hội bao phủ toàn dân với các yêu cầu bảo đảm để người dân có việc làm, thu nhập tối thiểu; tham gia bảo hiểm xã hội, bảo đảm hỗ trợ người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bảo đảm người dân tiếp cận được

với các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân [23].

Báo cáo Quốc gia về thực hiện quyền con người ở Việt Nam theo cơ chế kiểm định kỳ phổ cập (UPR) chu kỳ II. Báo cáo này được soạn thảo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 60/251 ngày 15/03/2006 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, Nghị quyết số 5/1 ngày 18/06/2007 và Quyết định số 17/119 ngày 19/06/2011 của Hội đồng Nhân quyền nhằm kiểm điểm tình hình thực hiện các quyền con người trên lãnh thổ Việt Nam. Tại mục Người khuyết tật số thứ tự 66 ghi Việt Nam đã ký Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2008 và dự kiến hoàn thành thủ tục phê chuẩn trong năm 2014, cũng như đang nỗ lực xây dựng và hoàn thiện luật pháp, chính sách nhằm thúc đẩy quyền của người khuyết tật. Trong lộ trình phê chuẩn Công ước về quyền của người khuyết tật, Việt Nam đã ban hành Luật về người khuyết tật năm 2010 và xây dựng các văn bản thi hành. Trong giai đoạn 2010-2013, đã có 13 văn bản dưới Luật được ban hành có liên quan tới người khuyết tật trong các lĩnh vực truyền thông, thể thao, du lịch, tiếp cận An sinh xã hội và thúc đẩy thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ. Số 67 ghi chính sách chung của Nhà nước là khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật thực hiện bình đẳng về các quyền về 8 chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và phát huy khả năng của họ để ổn định đời sống, hoà nhập cộng đồng, tham gia các hoạt động xã hội. Người khuyết tật được Nhà nước và xã hội trợ giúp chăm sóc sức khoẻ, phục hồi chức năng, tạo việc làm phù hợp và được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật. Số 68 ghi Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 – 2020 nhằm đẩy mạnh thực hiện các chính sách trợ giúp người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, đồng thời thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam về 7 lĩnh vực ưu tiên trong Thập kỷ thứ II Thiên

niên kỷ Biwako về người khuyết tật khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Đề án chia làm 2 giai đoạn với những chỉ tiêu cụ thể nhằm thúc đẩy sự hòa nhập của người khuyết tật trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, lao động, xây dựng, giao thông, công nghệ thông tin, văn hóa, thể thao, pháp lý... Bên cạnh đó, Chính phủ cũng triển khai một loạt các chính sách trợ giúp người khuyết tật như đề án trợ giúp phục hồi chức năng cho người tâm thần; tham gia và thực hiện các sáng kiến của quốc tế và khu vực; tăng cường sự tham gia của người khuyết tật và bảo vệ quyền của người khuyết tật; hỗ trợ thành lập các tổ chức tự lực của người khuyết tật; trợ giúp đào tạo nghề và tạo việc làm; cải thiện khả năng tiếp cận và sử dụng các công trình văn hoá, công cộng và các dịch vụ xã hội cơ bản khác của người khuyết tật.

Trong báo cáo này có quy định và luận điểm liên quan đến việc hỗ trợ cải thiện khả năng tiếp cận và sử dụng các công trình văn hoá, công cộng và các dịch vụ xã hội cơ bản khác của người khuyết tật nói chung, sự hỗ trợ người khuyết tật vận động tiếp cận các công trình trụ sở làm việc có nằm trong hạng mục người khuyết tật. Nghiên cứu này sẽ cụ thể hơn những cách hỗ trợ NKT vận động tiếp cận các công trình công cộng.

Nghiên cứu của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội với đề tài: “*Vai trò của tổ chức người tàn tật trong việc xây dựng các chính sách, chương trình quốc gia về dạy nghề và việc làm cho người khuyết tật của bộ thương binh lao động và xã hội*”. Nghiên cứu này cũng nói đến việc xây dựng và thực hiện 9 các chính sách cho người khuyết tật để họ được đáp ứng nhu cầu việc làm của mình, họ được tư vấn hỗ trợ dạy nghề, qua đây người khuyết tật biết được những nơi có thể nhận mình vào làm việc, để có thể có một công việc phù hợp với bản thân, tuy nhiên hai đề tài nêu trên nội dung chủ yếu là định hướng và giải quyết nhu cầu việc làm cho NKT, mà chưa hề đề cập đến nhu cầu tiếp cận của NKT vận động với các công trình công cộng [5].

Luật người khuyết tật và khuyến nghị sửa đổi, quyền của trẻ em khuyết tật tại Việt Nam bao gồm quyền được bảo vệ không phân biệt đối xử, quyền tiến cận, quyền được sống trong cộng đồng, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền được giáo dục, quyền về danh tính, khai sinh và năng lực pháp lý [10].

Như vậy, có thể nói rằng những nghiên cứu về chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật tại Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung rất phong phú và đa dạng, đáp ứng một phần những nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống của NKT giúp họ thêm tự tin hơn trong cuộc sống phía trước, thúc đẩy sự công bằng bình đẳng trong xã hội.

2.2. Nghiên cứu về các hoạt động hỗ trợ cho người khuyết tật

Hiện nay các công trình công cộng ở nước ta mới chỉ đáp ứng một phần nào các công cụ để hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, nói chung người khuyết tật còn rất nhiều khó khăn rào cản để tiếp cận sử dụng các công trình công cộng một cách đầy đủ và đúng nghĩa hòa nhập xã hội.

Hoạt động hỗ trợ trong công tác xã hội được ví là xương sống trong công tác xã hội đối với tất cả mọi hoạt động trợ giúp đối tượng, đối với đối tượng người khuyết tật vận động và sự hỗ trợ tiếp cận sử dụng các công trình công cộng liên quan lại ít được nghiên cứu và đề cập. Nghiên cứu xin được chỉ ra thực trạng các công trình công cộng UBND, TYT tại địa bàn đáp ứng việc sử dụng cho NKT, ví dụ như thế nào cũng như thực trạng và nhu cầu tiếp cận sử dụng của người khuyết tật vận động tại đây đối với các hạng mục công trình công cộng này, các cơ quan tổ chức liên quan đến hỗ trợ vận động chính sách, hỗ trợ tư vấn pháp lý để người khuyết tật có cơ hội nói lên nguyện vọng sử dụng và được đáp ứng phù hợp với quyền lợi tiếp cận sử dụng ngang bằng với những người không khuyết tật. Đề tài cũng nghiên cứu cách hỗ trợ phù hợp, đánh giá thực tiễn tại khu vực nghiên cứu và các chính sách pháp luật liên quan đến người khuyết tật.

Đỗ Thị Liên, Luận văn thạc sĩ 2014, “*Công tác xã hội đối với người khuyết tật từ thực tiễn thành phố Thanh Hóa*”, Học viện Khoa học xã hội. Luận văn đã đánh giá, khái quát được thực trạng trong công tác hỗ trợ người khuyết tật tại Thành phố Thanh Hóa và đưa ra những dịch vụ hỗ trợ cho người khuyết tật tại đây, đồng thời tác giả cũng đề xuất những giải pháp phù hợp và thiết thực trong quá trình hỗ trợ người khuyết tật [14].

Giáo trình “*Công tác xã hội với người khuyết tật (2014)*”, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội [8]. Giáo trình đã khái quát những vấn đề cơ bản về NKT và nêu lên các loại hình chăm sóc trợ giúp NKT. Ngoài ra, giáo trình còn đề cập đến những kỹ năng, những nguyên tắc cần thiết của người công tác xã hội viên khi thực hành theo các hình thức khác nhau (cá nhân, nhóm), cũng như các nguồn lực trong quá trình trợ giúp NKT.

Dark and Light Blind Care nghiên cứu năm 2008, “*Inclusion of disabled people Vocational Training and income*”. Trong cuốn báo cáo tổng kết chương trình CTXH với NKT, nhóm tác giả đã nêu lên chương trình chính sách, quyền của NKT, cách thức hỗ trợ NKT, một số chương trình hỗ trợ NKT mô hình ở châu Phi cùng các kỹ năng làm việc đối với NKT [25].

Chính vì vậy, các nghiên cứu về các hoạt động hỗ trợ cho người khuyết tật đã và đang phát huy đúng vai trò trong các hoạt động Công tác xã hội. Chính những công trình nghiên cứu này ứng dụng vào thực tiễn đời sống xã hội đã giúp cho người khuyết tật giảm bớt gánh nặng trong cuộc sống, đáp ứng mong mỏi và nguyện vọng của người khuyết tật tại Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung.

2.3. Nghiên cứu về việc làm, dạy nghề cho người khuyết tật

Theo báo cáo khảo sát về đào tạo nghề và việc làm cho NKT [2] tại Việt Nam có rất ít người được đào tạo nghề, hướng dẫn về việc làm cũng như về phát triển doanh nghiệp. Chính phủ, nhiều tổ chức phi chính phủ và chính NKT

đều nhận thấy rằng cần có các dịch vụ đào tạo riêng (ít nhất theo học các lớp đào tạo riêng dành cho NKT), các dịch vụ bố trí việc làm riêng và các kế hoạch cho NKT, Và nhờ các chính sách việc làm đã tạo động lực cho các trung tâm, cơ sở xã hội dạy nghề dành riêng cho NKT được thành lập. Tuy nhiên, trên thực tế chỉ phục vụ các khu vực thành thị. Tại các khu vực nông thôn, việc tiếp cận đào tạo nghề rất bị hạn chế. Các dịch vụ bố trí việc làm thường gắn liền với cơ sở đào tạo nghề. Tại Việt Nam, số các doanh nghiệp dành riêng cho NKT khá nhiều. Hơn 8000 NKT đã tham gia vào chuỗi sản xuất của các doanh nghiệp này. Tuy nhiên, phần lớn các cơ sở còn nhỏ hẹp, hoạt động lợi nhuận thấp như các ngành thủ công mỹ nghệ, may, đan lát mây tre, v.v. Khả năng được đào tạo một cách phù hợp và tham gia các dịch vụ phát triển kinh doanh tại các doanh nghiệp này rất hạn chế.

Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2006 [6, điều 27] được coi là công cụ pháp lý cao nhất hiện nay đề cập đến các vấn đề chung của người khuyết tật. Ở lĩnh vực việc làm, Công ước có ghi nhận các quyền của người khuyết tật ở các khía cạnh về đào tạo nghề, cơ hội làm việc, thúc đẩy mô hình tự tạo việc làm, khả năng lựa chọn cơ hội việc làm cũng như những yêu cầu về việc tạo dựng môi trường dễ hòa nhập, không rào cản cho người lao động là khuyết tật. Đây chính là cách thức chống lại vòng đời nghèo luẩn quẩn của người khuyết tật.

Nguyễn Tiến Dũng (2011), “*Phát triển dạy nghề đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn mới*” - Tạp chí Kinh tế và Dự báo (số 4). Bài báo chỉ ra yêu cầu cần phải đào tạo nghề trong giai đoạn hiện nay, không chỉ đào tạo nghề đòi hỏi chất lượng chất xám mà còn phải đào tạo những nghề đơn giản nhằm đáp ứng xu thế hội nhập với khu vực và quốc tế, để tạo ra những sản phẩm tối ưu và tốt nhất đáp ứng nhu cầu thị trường [7].

Đề tài luận văn thạc sĩ: *“Thực trạng hoạt động hỗ trợ việc làm cho trẻ em khuyết tật – nghiên cứu tại Trung tâm dạy nghề Nhân đạo và Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa”* của Phạm Thị Kiều Lê (2014), chuyên ngành Công tác xã hội, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Luận văn nghiên cứu cơ sở lý thuyết và thực tiễn của hoạt động hỗ trợ việc làm cho trẻ em khuyết tật; kết quả khảo sát về thực trạng hoạt động hỗ trợ việc làm cho trẻ em khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề Nhân đạo và Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa để từ đó đưa ra những đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ việc làm cho trẻ em khuyết tật [12].

Nghiên cứu *“Vấn đề giới và người khuyết tật Việt Nam”* của tác giả Lê Thị Quý – được đăng trên trang 7, số 2 Tạp chí “Nghiên cứu gia đình và giới, năm 2007” đã chỉ ra rằng: *“Bên cạnh vấn đề về giới và người khuyết tật, các nghiên cứu dành nhiều sự quan tâm đến vấn đề việc làm, giáo dục, hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật. Qua các nghiên cứu cho thấy định kiến của xã hội về người khuyết tật cho rằng, người khuyết tật không có khả năng lao động, kiếm tiền, điều này tạo ra rào cản lớn ảnh hưởng đến khả năng hòa nhập cộng đồng, học tập và thích ứng môi trường sống của người khuyết tật”* [21, tr. 8,9].

Nhìn chung, có rất nhiều nghiên cứu trong nước và trên thế giới liên quan đến việc làm, dạy nghề cho người khuyết tật nhưng những nghiên cứu cụ thể trên địa bàn, về từng vị trí thực hiện hỗ trợ học nghề của hoạt động Công tác xã hội đối với người khuyết tật còn chưa nhiều và phong phú. Kế thừa và phát huy những đề tài liên quan đã nghiên cứu trước đó, tác giả lựa chọn đề tài ***“Hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật từ thực tiễn Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội”*** nhằm đáp ứng những nhu cầu, nguyện vọng của NKT để

từ đó đề ra những biện pháp nâng cao chất lượng học và dạy nghề tại Trung tâm ngày càng phù hợp và đa dạng hơn.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Đề tài làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc thực hiện hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội hiện nay. Đề từ đó đề xuất những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ cơ sở lý luận của việc thực hiện hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật.

- Phân tích thực trạng thực hiện hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

* Phạm vi về đối tượng nghiên cứu: đề tài tập trung nghiên cứu các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề cho người khuyết tật, cụ thể là các hoạt động như: “hỗ trợ tư vấn tâm lý người khuyết tật trước các khó khăn liên quan đến học nghề; hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm; hoạt động kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho NKT học nghề và hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với NKT”.

* Phạm vi khách thể nghiên cứu:

- Người khuyết tật: 80 người khuyết tật tại Trung tâm.
- Dạng tật: Khuyết tật vận động và khuyết tật thính giác.
- Ở độ tuổi: Từ 15 đến 28 tuổi.

* Không gian nghiên cứu: Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

* Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2019.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu

Phương pháp này giúp tác giả có thêm nhiều cơ sở để tiến hành nghiên cứu, phân tích tài liệu và tìm hiểu đối với từng đặc điểm của người khuyết tật. Sử dụng phương pháp này giúp nhà nghiên cứu biết được rằng những nghiên cứu trước đó đã làm được những gì, nghiên cứu của tác giả góp phần củng cố luận điểm nào. Trong đề tài nghiên cứu, tiến hành phân tích, tổng hợp và tìm hiểu các tài liệu liên quan nhằm mang lại một cái nhìn tổng quát và khách quan nhất về đề tài nghiên cứu.

5.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

Phương pháp này giúp tác giả thu thập được thông tin một cách khái quát và chính xác nhất thông qua phỏng vấn trực tiếp những người trong công tác thực hiện hoạt động nghề tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Trong nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp để phỏng vấn thu thập thông tin của các nhóm đối tượng thực hiện và thụ hưởng từ hoạt động nghề cho người khuyết tật tại Trung tâm. Trong tổng số 80 đối tượng được khảo sát, tác giả sử dụng phương pháp này phỏng vấn sâu 25 đối tượng thuộc các dạng tật khác nhau tại Trung tâm.

Vì vậy, phương pháp này không những giúp tôi tiếp nhận được thông tin liên quan tới đề tài nghiên cứu từ những người trực tiếp thực hiện hoạt động nghề mà còn từ chính những người được thụ hưởng – người khuyết tật từ những hoạt động học nghề tại Trung tâm.

5.3. Phương pháp thảo luận nhóm

Phương pháp này giúp tác giả có thể thu thập thông tin khái quát nhất quá trình của công tác xã hội trong thực hiện hoạt động học nghề cho người khuyết tật tại Trung tâm. Sử dụng phương pháp này giúp nhà nghiên cứu có cách nhìn khách quan nhất trong hoạt động nghề cho người khuyết tật tại Trung tâm, từ đó đưa ra những giải pháp cũng như những đề xuất, góp ý phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của người khuyết tật khi tham gia hoạt động nghề tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Khi thực hiện phương pháp thảo luận nhóm, tiến hành đưa ra các chủ đề liên quan tới đề tài nghiên cứu nhằm thu thập thông tin đối với nhóm đối tượng thụ hưởng thảo luận cũng như cán bộ thực hiện hoạt động nghề đưa ra ý kiến. Việc đặt ra các câu hỏi liên quan tới hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đã và đang được thực hiện tại Trung tâm sẽ khái quát chính xác thông tin. Nhóm đối tượng thụ hưởng sẽ tập hợp từ 3 – 5 người/ cuộc thảo luận và đề xuất những ý kiến giải pháp, còn cán bộ thực hiện hoạt động nghề sẽ là người cung cấp các thông tin liên quan nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm.

Việc thu thập thông tin, các dữ liệu cần thiết thông qua việc sử dụng các phương pháp trên sẽ giúp nhà nghiên cứu tổng hợp và có cái nhìn khái quát nhất của hoạt động CTXH đối với người khuyết tật trong hoạt động hỗ trợ học nghề tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.

5.4. Phương pháp điều tra bằng hỏi

Đề tài sẽ sử dụng phương pháp trưng cầu ý kiến điều tra bằng bảng hỏi với sự tham gia của 80 học viên được khảo sát trong công tác thực hiện hoạt động học nghề tại Trung tâm.

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi phỏng vấn và thu thập các thông tin cần thiết từ 80 học viên trong công tác hỗ trợ, duy trì và bảo đảm hoạt động học nghề dành cho họ được vận hành hiệu quả. Từ đó đem lại cuộc sống tốt đẹp giúp người khuyết tật sớm hòa nhập với cộng đồng, vững tay nghề và tham gia các hoạt động xã hội bổ ích khác.

6. Những đóng góp mới của luận văn

Cùng với việc làm rõ mục đích của đề tài nghiên cứu, một số khái niệm, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu công tác xã hội được vận dụng một cách khoa học góp phần xây dựng lý luận về hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật đồng thời đưa những nhận thức khoa học vào ứng dụng trong thực tiễn.

Qua đó thấy được những khoảng cách từ lý luận đến thực tiễn và đưa ra được những khuyến nghị cần thiết để cải thiện, bổ sung chính sách và nâng cao chất lượng của hoạt động hỗ trợ trong công tác học nghề cho người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội nói riêng và người khuyết tật trên cả nước nói chung.

Kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ vai trò của chính sách hỗ trợ, các hoạt động CTXH trong học nghề đối với người khuyết tật hiện nay thông qua nghiên cứu tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Nhằm đánh giá hiệu quả của hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật đồng thời việc hướng nghiệp cho họ trong cuộc sống sau này.

Nghiên cứu đưa ra những kiến nghị góp phần tạo nên cơ sở khoa học và thực tiễn cho các nhà hoạch định chính sách trong việc đưa ra những chính sách phù hợp mang lại hiệu quả thiết thực, đồng thời có những giải pháp điều chỉnh kịp thời trong từng trường hợp cụ thể góp phần thực hiện công bằng, an sinh xã hội.

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, mục lục, kết luận, các phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung nghiên cứu gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận của hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật.

Chương 2: Thực trạng hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Chương 3: Đề xuất biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động Công tác xã hội trong hoạt động học nghề đối với người khuyết tật từ thực tiễn Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1.1. Khái niệm người khuyết tật và học nghề đối với người khuyết tật

1.1.1. Một số khái niệm

1.1.1.1. Khái niệm khuyết tật

Ranh rới giữa bình thường và khuyết tật là hết sức mong manh, ai cũng có thể trở thành người khuyết tật, như TS. Margaret Chan Tổng giám đốc tổ chức Y tế thế giới (WHO) phát biểu: “Hầu hết mỗi người trong chúng ta có thể bị mất khả năng tạm thời hoặc vĩnh viễn tại một thời điểm nào đó trong đời” [19, tr. 10].

Từ “khuyết tật” có nguồn gốc từ “disability” trong tiếng Anh. Theo nguyên nghĩa từ này có nghĩa sự hàm ý khả năng hạn chế, hoặc thiếu khả năng thực hiện một hoạt động gì đó do có khiếm khuyết. Phân biệt với *unability* là mất khả năng.

Theo từ điển tiếng Việt từ “khuyết” có nghĩa là không đầy đủ, thiếu một bộ phận, một phần. Từ “tật” có nghĩa là có “điều gì đó không được bình thường, ít nhiều khó chữa ở vật liệu, dụng cụ, máy móc. Còn ở người là sự bất bình thường, nói chung là không thể chữa được, của một cơ quan trong cơ thể do bẩm sinh mà có, hoặc do tai nạn hay bệnh gây ra” [20, tr.80].

Các tổ chức quốc tế như: Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đang cố gắng đưa ra một định nghĩa chung về khuyết tật, tàn tật đã là một hệ thống tiên phong trong quá trình hiểu và đưa ra định nghĩa về khuyết tật. Hệ thống này được xem xét sửa đổi lại vào năm 1990 và đưa đến một hệ thống phân loại quốc tế về chức năng, khuyết tật và sức khỏe (ICF) vào năm 2002. Theo cách hiểu của ICIDH (phân loại Quốc tế Khiếm khuyết, Khuyết tật và Sức khỏe) các thuật ngữ giảm chức năng, khuyết tật, tàn tật có nội hàm khác nhau:

- Disability - Suy giảm chức năng: Chỉ những người có vấn đề về thể chất (xét ở góc độ cơ thể).

- Impairment - Khuyết tật: Là những hạn chế trong hoạt động theo chức năng hay trong phạm vi bình thường của con người, những hạn chế này do suy giảm chức năng gây nên.

- Handicap - Tàn tật: Là hạn chế hay thiếu hụt (do một khuyết tật) khả năng thực hiện vai trò xã hội.

Như vậy, khuyết tật có thể được hiểu là khiếm khuyết thực thể ở một bộ phận nào đó hoặc khiếm khuyết chức năng của một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức của cơ thể và khiếm khuyết đó có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống.

Ngày nay, trong các văn bản pháp quy cụm từ “khuyết tật” dần được sử dụng thay cho cụm từ “tàn tật” vì từ “khuyết tật” tạo cảm giác nhẹ nhàng hơn và hàm chứa ý nghĩa tích cực hơn. Từ “khuyết” mang ý nghĩa chỉ suy giảm một chức năng nào đó, còn các chức năng khác của cơ thể vẫn hoạt động bình thường.

Như vậy, định nghĩa khuyết tật có thể được hiểu là: *“Tình trạng thiếu hụt hay rối loạn chức năng so với chuẩn sinh lý bình thường làm cho cá nhân bị trở ngại trong học tập, làm việc, giao tiếp, vui chơi giải trí và sinh hoạt”* [19, tr. 8].

1.1.1.2. Khái niệm người khuyết tật

Người khuyết tật là người có một hoặc nhiều khiếm khuyết về thể chất hoặc tinh thần mà vì thế gây ra suy giảm đáng kể và lâu dài đến khả năng thực hiện các hoạt động sinh hoạt hàng ngày.

Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật – 2006 thì nêu rõ “người khuyết tật (people with disabilities) bao gồm những người có những khiếm khuyết lâu dài về thể chất, trí tuệ, thần kinh hoặc giác quan mà khi tương tác với các rào cản khác nhau có thể cản trở sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của họ trong xã hội trên một nền tảng công bằng như những người khác trong xã hội”.

Theo Luật người khuyết tật được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 17/06/2010: “Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn” [10].

Khái niệm theo tổ chức Lao động quốc tế (ILO): người khuyết tật là những người mà triển vọng tìm giữ được một việc làm thích hợp, cũng như triển vọng tiến bộ về mặt nghề nghiệp đều bị giảm sút một cách rõ rệt sau khi bị một trở ngại về thể chất hoặc tinh thần và trở ngại đó được công nhận đúng mức.

Khái niệm người khuyết tật theo tổ chức Y tế thế giới (WHO, 1999): người khuyết tật là những người có suy giảm chức năng ở các mức độ: khiếm khuyết, khuyết tật và tàn tật.

- Khiếm khuyết chỉ sự mất mát hoặc không bình thường của cấu trúc cơ thể liên quan đến tâm lý hoặc sinh lý.

- Khuyết tật chỉ đến sự giảm thiểu chức năng hoạt động, là hậu quả của sự khiếm khuyết.

- Tàn tật đề cập đến tình thế bất lợi hoặc thiệt thòi của người mang khiếm khuyết do tác động của môi trường xung quanh lên tình trạng khuyết tật của họ.

Theo quan điểm của tổ chức Quốc tế người khuyết tật (DPI, 1982): người khuyết tật trở thành tàn tật do thiếu cơ hội tham gia các hoạt động xã hội và có một cuộc sống giống như thành viên khác. Do vậy, khuyết tật là một hiện tượng phức tạp, phản ánh sự tương tác giữa các tính năng cơ thể và các tính năng xã hội mà trong đó người khuyết tật sống.

Khái niệm người khuyết tật theo quan niệm của mỗi quốc gia: Ở mỗi nước khái niệm người khuyết tật có khác nhau về mức độ, thời gian tác động của khuyết tật đối với đời sống con người.

Anh quốc: Theo DDA (Disability Discrimination Act – Đạo luật chống phân biệt đối xử với người khuyết tật do Quốc hội Anh ban hành): người khuyết tật là người có một hoặc nhiều khiếm khuyết về thể chất hoặc tinh thần mà vì thế gây ra suy giảm đáng kể và lâu dài đến khả năng thực hiện các hoạt động, sinh hoạt hàng ngày. Khi xét về mặt thời gian tác động người khuyết tật là những người có: khiếm khuyết kéo dài hoặc kéo dài hơn 12 tháng được coi là khuyết tật. Khiếm khuyết kéo dài dưới 12 tháng không được coi là khuyết tật trừ khi bị tái đi tái lại nhiều lần. Một số khiếm khuyết kéo dài hơn 12 tháng cả khi được phục hồi hoàn toàn thì vẫn được coi là người khuyết tật [19, tr. 30].

Hoa kỳ: Theo đạo luật về người khuyết tật của Hoa kỳ năm 1990 (ADA – Americans with Disability Act of 1990) định nghĩa người khuyết tật là người có sự suy yếu về thể chất hay tinh thần gây ảnh hưởng đáng kể đến một hay nhiều hoạt động quan trọng trong cuộc sống. Những ví dụ cụ thể về khuyết tật bao gồm: khiếm khuyết về vận động, khiếm khuyết về thị giác, khiếm khuyết về nói và nghe, chậm phát triển tinh thần, bệnh cảm xúc và những khiếm khuyết cụ thể về học tập, các bệnh lây và không lây như: bại não, động kinh,

teo cơ, ung thư bệnh tim, tiểu đường, bệnh lao và bệnh do HIV (có triệu chứng hay không có triệu chứng) [19, tr. 30].

Trung Quốc: người khuyết tật là những người có một bộ phận tổ chức, chức năng về tâm sinh lý, kết cấu cơ thể bị mất đi hoặc không bình thường, người mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hoạt động để làm việc theo phương thức bình thường [19, tr. 30].

Thái Lan: người khuyết tật là những người bị tổn thương hay khác thường về thể xác, trí óc hay tâm lý theo các quy định của các Bộ chức năng.

Australia: người khuyết tật là những người mà chức năng bên trong bị hạn chế do bị tổn thương về thể xác, trí óc, tình cảm hoặc các giác quan [19, tr. 30].

Cộng hòa Liên bang Đức: người khuyết tật là những người có các chức năng về thể lực, trí lực, tâm lý tiến triển không bình thường so với những người cùng độ tuổi trong thời gian trên 6 tháng và sự không bình thường này là nguyên nhân dẫn tới việc họ bị hạn chế tham gia vào cuộc sống xã hội [19, tr. 30].

Tóm lại, người khuyết tật là những người thiếu hụt hoặc giảm sút một, một số bộ phận hay chức năng của cơ thể và tinh thần, là những người yếu thế trong xã hội, là đối tượng của hoạt động trợ giúp của Công tác xã hội. Vì thế xã hội cần tạo mọi điều kiện để người khuyết tật hòa nhập cộng đồng. Nếu như xã hội không quan tâm, không có chính sách trợ giúp, hỗ trợ cho người khuyết tật hòa nhập cộng đồng thì đó là một xã hội không hoàn chỉnh, còn khiếm khuyết.

1.1.1.3. Khái niệm học nghề

Theo Điều 3 trong luật giáo dục nghề nghiệp năm 2014: “Học nghề là quá trình học tập, tích lũy kiến thức nghề nghiệp của con người để hướng tới mục đích chủ yếu là giải quyết việc làm” [11]. Vì vậy, có thể khẳng định rằng học nghề là hoạt động nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp

cần thiết cho người học nghề để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học. Thông qua hoạt động học nghề, NKT có thể học tập, trau dồi và tích lũy khả năng của bản thân trong quá trình hướng nghiệp sau này.

Mục tiêu đào tạo học nghề là bồi dưỡng nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.1.1.4. Khái niệm hoạt động học nghề của người khuyết tật

Dựa theo định nghĩa về học nghề, hoạt động học nghề của người khuyết tật có thể định nghĩa như sau: “Hoạt động học nghề của người khuyết tật là quá trình học tập, tích lũy kiến thức nghề nghiệp của những người có một hoặc nhiều khiếm khuyết về thể chất hoặc tinh thần mà vì thế gây ra suy giảm đáng kể và lâu dài đến khả năng thực hiện các hoạt động sinh hoạt hàng ngày nhằm hướng tới mục đích cuối cùng là giải quyết việc làm hoặc tạo ra cơ hội việc làm dành cho NKT với những công việc phù hợp nhất”.

Như vậy, hoạt động học nghề của người khuyết tật là hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ người khuyết tật vượt qua mặc cảm, tự ti trong cuộc sống để vươn lên, hòa nhập cộng đồng, không còn là gánh nặng của xã hội. Hoạt động học nghề của người khuyết tật giúp tạo ra cơ hội họ làm chủ cuộc sống, góp phần xây dựng một nền An sinh xã hội bền vững hơn.

1.1.2. Đặc điểm cơ bản của người khuyết tật

1.1.2.1. Đặc điểm tâm lý – xã hội của người khuyết tật

Về sức khỏe, NKT là những người bị khiếm khuyết hay một hoặc nhiều bộ phận trên cơ thể, hoặc có những rối loạn tâm sinh lý hay một chức năng nào

đó. Vì vậy, sức khỏe của lao động khuyết tật kém hơn lao động bình thường, sức đề kháng và khả năng chống lại dịch bệnh thấp, cùng với đó NKT cũng là đối tượng gặp nhiều khó khăn trong giao tiếp và vận động. Chính vì vậy, NKT rất khó khăn trong tìm kiếm một công việc phù hợp với thể trạng sức khỏe của họ.

Về tâm lý, phần lớn NKT đều có mặc cảm về tật nguyên, tự ti, sống cuộc sống bi quan, cô lập với mọi người và thế giới xung quanh. Họ cho rằng “Mình là gánh nặng cho gia đình và xã hội nên thường có tâm lý chán nản, thái độ bất cần vì có cố gắng nỗ lực cũng khó được ghi nhận. Ở những người mà tình trạng khuyết tật nhìn thấy được (khuyết chi) họ có các biểu hiện tâm lý giống như mặc cảm ngoại hình, tự ti về những khiếm khuyết trên cơ thể có thể thấy được khiến họ có cảm giác lãnh đạm. Họ thường mang tâm lý trốn tránh và sợ hãi khi thực hiện các hoạt động mang tính tập thể (giao lưu, gặp gỡ nơi có đông người), họ cảm thấy mình là người thừa, không có ích cho xã hội, sống khép mình và không quan tâm tới mọi chuyện xung quanh. Chính những mặc cảm tâm lý xã hội đó khiến cho cơ hội tìm kiếm việc làm của họ trong xã hội ngày nay càng trở nên khó khăn hơn.

Về hoạt động xã hội, xuất phát từ những đặc điểm về tâm lý, NKT thường dễ bị tổn thương nhất, họ mặc cảm tự ti, là những người yếu thế trong xã hội. Họ hạn chế tham gia các hoạt động xã hội bởi những khiếm khuyết trên cơ thể là nguyên nhân chính thường gây ra nhiều khó khăn. Tuy nhiên, những thái độ và suy nghĩ tiêu cực của cộng đồng xung quanh coi NKT là “đáng thương, yếu thế, là gánh nặng,” càng khiến khó khăn của họ trở nên trầm trọng hơn. Thiết nghĩ trong chúng ta, mỗi con người của xã hội ngày nay với tư duy văn minh, sáng tạo cần chung tay tổ chức các hoạt động phù hợp, kết nối các “số phận” không may mắn để họ có thể đồng cảm với nhau, cảm nhận được sự nhiệt thành giúp đỡ họ tự tin, hòa nhập, không còn là gánh nặng của xã hội. Thông qua các chương trình hoạt động đó, họ có thể xây dựng nên các

mối quan hệ “cùng chung số phận” tạo ra các công việc phù hợp mà chỉ chính họ mới cảm nhận được hơn bao giờ hết.

Ngoài ra, về nhận thức pháp luật - kinh tế - xã hội, NKT là đối tượng chịu sự kỳ thị, phân biệt đối xử, phải chịu thiệt thòi, sự đối xử trong xã hội. Một phần là do trong số họ, nhiều người không biết tới quy định trong pháp luật về người khuyết tật. Còn lại đó là sự kỳ thị, phân biệt đối xử ở mọi mặt trong đời sống xã hội (học vấn, việc làm, hôn nhân gia đình,) hay thậm chí xuất phát trong chính suy nghĩ của chính họ. Và học vấn của các thành viên trong những gia đình có NKT thường không cao, nhiều chủ hộ lại chính là người khuyết tật – sức khỏe yếu, bởi vậy điều kiện sống sinh hoạt không tốt đã ảnh hưởng xấu đến cuộc sống, sức khỏe và các hoạt động của thành viên trong gia đình. Trong khi đó, đối với những đối tượng người khuyết tật từ đủ 15 tuổi trở lên trong độ tuổi lao động [3] rất khó tìm kiếm được một công việc phù hợp với khả năng.

Chính vì vậy, NKT không chỉ khiếm khuyết về thể chất mà còn khuyết thiếu về mặt tinh thần. Họ không chỉ “không hài lòng” về ngoại hình, thể trạng của mình mà vẫn còn đó tâm lý tự ti, mặc cảm hay e ngại trước những vấn đề mà mình đang gặp phải. Họ có thể khiếm khuyết các chi (chân, tay,) song vẻ đẹp tâm hồn bên trong họ vô cùng hoàn hảo, thậm chí còn tinh tế và cảm thụ hơn so với người bình thường, song họ vẫn khiếm khuyết “tinh thần”. Bởi vì họ chưa tự tin, vẫn còn hạn chế về mọi mặt trong đời sống xã hội (giáo dục, nghề nghiệp, giao tiếp,).

1.1.2.2. Đặc điểm người khuyết tật trong hoạt động học nghề

Từ đặc điểm cơ bản của người khuyết tật nói chung, tôi xin nêu ra những đặc điểm của NKT trong hoạt động nghề với tư cách là NVCTXH trợ giúp hỗ trợ và động viên họ trong hoạt động nghề nghiệp.

Trước hết, về thể trạng NKT là những người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận trên cơ thể. Họ hạn chế về sức khỏe khi tham gia vào các hoạt động lao động sản xuất so với người bình thường, cùng với đó NKT bị khiếm khuyết một hoặc một phần trên cơ thể khiến môi trường làm việc của họ cũng có sự khác biệt. Họ không thể làm việc trong môi trường nặng nhọc hay vận động nhiều được vì những đặc điểm khiếm khuyết trên cơ thể họ. Thông thường những công việc phù hợp với họ là: làm nghề giấy thủ công, may mặc hay chạm khắc gỗ, ... Hoạt động nghề của NKT diễn ra trong thời gian hạn chế vì lý do sức khỏe. Đơn cử như, NKT bị khiếm khuyết chân, khó khăn về vận động khi tham gia hoạt động trong ngành nghề may mặc, họ sẽ chỉ sử dụng những bộ phận còn lại của mình ngồi khâu máy, thay vì như những người khác họ sẽ đảm nhận nhiều khâu hơn để cho ra đời một sản phẩm. Chính vì vậy, NKT khó khăn hơn trong tham gia các hoạt động nghề nghiệp trong xã hội.

Về tâm lý, NKT trong hoạt động nghề thường mặc cảm, tự ti về khả năng của bản thân trong hoạt động các ngành nghề xã hội. Họ vẫn quan niệm mình là gánh nặng của xã hội, sinh ra đã không được may mắn như bao người khác, mặc cảm về ngoại hình của bản thân khác biệt hơn so với người khác. Còn trong hoạt động nghề nghiệp, NKT còn e dè, ngại ngùng khi tham gia các công việc trong xã hội, họ không tự tin vào khả năng của bản thân mình. Cùng với đó, quan niệm xã hội coi họ là những người yếu thế trong xã hội, rất cần sự hỗ trợ, giúp đỡ khiến họ có tâm lý e ngại, số ít còn có tâm lý “*ỷ lại*” càng khiến họ khó khăn hơn khi tham gia các hoạt động nghề.

NKT khó khăn trong giao tiếp cả trong ngôn ngữ nói lẫn ngôn ngữ về hình thể. Họ khiếm thị, khiếm thính khiến khả năng nghe, nói của họ có phần hạn chế; khuyết tật về các chi (chân/tay) khiến họ khó khăn về khả năng phi ngôn ngữ. Những khó khăn, hạn chế trong giao tiếp đó sẽ khiến cho NKT vất vả hơn khi tham gia các hoạt động học tập lao động sản xuất, ví dụ như trong

một dây chuyền sản xuất ngành cơ khí, NKT sẽ phải diễn tả hoặc ra hiệu, theo ngôn ngữ của NKT vì vậy rất khó để người bình thường có thể hiểu được từ đó khiến cho dây chuyền sản xuất bị chậm lại, ảnh hưởng đến năng suất làm cho NKT cảm thấy mình không phù hợp với môi trường làm việc hiện tại. Thiết nghĩ, mỗi cá nhân, doanh nghiệp cần tạo cho NKT cơ hội được cạnh tranh công bằng với một môi trường học tập và làm việc phù hợp đối với họ.

Ngoài ra, phần lớn NKT sinh ra và lớn lên ở các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội vô cùng khó khăn. Chính vì vậy, khả năng tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng có phần hạn chế, cùng với đó về giáo dục nói chung và giáo dục nghề nói riêng, các kiến thức về pháp luật – xã hội cũng khiến NKT hạn chế trong nhận thức cũng như cách suy nghĩ. Vì vậy, CTXH trong hoạt động học nghề đối với NKT là phải nâng cao nhận thức của họ về một cơ hội có học nghề, ổn định cuộc sống sau này và hòa nhập với xã hội.

1.2. Lý luận về hoạt động Công tác xã hội đối với người khuyết tật trong hoạt động học nghề

1.2.1. Khái niệm cơ bản

1.2.1.1. Khái niệm hoạt động Công tác xã hội

Công tác xã hội là một nghề, một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình, cộng đồng giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội góp phần đảm bảo an sinh xã hội [15, tr.19].

Hoạt động CTXH là các hoạt động triển khai hỗ trợ, giúp đỡ các cá nhân, gia đình và cộng đồng trong việc giải quyết các vấn đề của họ, giúp họ nâng cao khả năng ứng phó và tự giải quyết vấn đề của mình để từ đó giúp họ tiếp cận các nguồn lực tại địa phương cũng như các dịch vụ nhằm cải thiện vấn đề của họ đang gặp phải. Hoạt động CTXH là hoạt động của nhân viên CTXH bằng những kiến thức và kỹ năng chuyên môn động viên, hỗ trợ kịp thời và kết nối các nguồn lực sẵn có hoặc tạo ra dựa trên ý nghĩa thiết thực mà nó mang là “Đem đến sự công bằng, đảm bảo nền an sinh xã hội phát triển một cách bền vững”.

Các hoạt động của CTXH diễn ra ở 3 cấp độ: vi mô, trung mô và vĩ mô:

- Các hoạt động diễn ra ở cấp độ vi mô là các dịch vụ trực tiếp cho các đối tượng yếu thế, gặp phải vấn đề trong xã hội và gia đình họ. Ví dụ như trực tiếp hỗ trợ về tâm lý cho một trẻ mắc phải “*hội chứng tự kỷ*” bằng các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ trực tiếp, can thiệp lâm sàng để giúp trẻ có cơ hội hòa nhập với xã hội; cùng với đó NVCTXH nâng cao nhận thức, kỹ năng và thái độ của gia đình có trẻ mắc phải “*hội chứng tự kỷ*” nhằm chăm sóc, hỗ trợ con em mình ngay từ thuở ban đầu vượt qua được vấn đề nội tại và thông qua đó mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội sẽ góp phần đẩy lùi các vấn đề góp phần xây dựng xã hội ngày càng tươi đẹp hơn.

- Các hoạt động ở cấp độ trung mô, CTXH mang đến các dịch vụ hỗ trợ phát triển các nhóm lớn và cộng đồng tạo ra sự thay đổi tốt hơn cho cuộc sống.

- Ở cấp độ vĩ mô, các hoạt động CTXH tham gia xây dựng các nhóm chính sách xã hội và tạo ra những thay đổi về cấu trúc của thể chế, chính sách xã hội hướng tới đảm bảo công bằng xã hội và một nền an sinh xã hội bền vững.

1.2.1.2. Khái niệm hoạt động Công tác xã hội đối với người khuyết tật

Công tác xã hội đối với người khuyết tật là quá trình nhân viên xã hội sử dụng các kiến thức, kỹ năng được đào tạo vào quá trình hỗ trợ nhằm giúp người khuyết tật hiểu về vấn đề của mình, tình trạng khuyết tật, giúp họ vượt qua những khó khăn tâm lý, phát huy hiệu quả những khả năng còn lại và thế mạnh của bản thân, kết nối các nguồn lực, hệ thống dịch vụ giúp người khuyết tật có thêm năng lực tự giải quyết vấn đề gặp phải trong đời sống và trong công việc [8].

Hoạt động công tác xã hội đối với người khuyết tật là hoạt động chuyên nghiệp của nhân viên CTXH giúp đỡ những NKT tăng cường hay khôi phục việc thực hiện các chức năng xã hội của họ, huy động nguồn lực, xác định những dịch vụ cần thiết để hỗ trợ NKT, gia đình và cộng đồng triển khai hoạt động chăm sóc trợ giúp họ một cách hiệu quả, vượt qua những rào cản, đảm bảo sự tham gia đầy đủ vào các hoạt động xã hội trên nền tảng sự công bằng như những người khác trong xã hội.

1.2.1.3. Khái niệm hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT là các hoạt động trợ giúp chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực, chức năng xã hội của NKT trong hoạt động nghề nghiệp.

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT là hoạt động nhằm thúc đẩy và nâng cao các cơ chế, chính sách liên quan trong hỗ trợ nghề nghiệp đối với NKT. Cùng với đó là huy động các nguồn lực, kết nối với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm giúp đỡ và hỗ trợ kịp thời các cá nhân, nhóm hội NKT giải quyết vấn đề, nhu cầu việc làm của mình và hướng tới một xã hội giàu đẹp hơn.

Vậy nên, đây là hoạt động tiếp cận dựa theo quyền đáp ứng những nhu cầu cơ bản của con người. Các nhu cầu cơ bản này được coi là quan trọng

ngang bằng nhau và con người có quyền được đáp ứng tất cả các nhu cầu để có thể đảm bảo được cuộc sống tối thiểu cơ bản. Qua đó, ta sẽ đánh giá được mức độ thay đổi và khả năng tiếp cận và giáo dục nghề nghiệp của NKT dựa trên các nhu cầu cơ bản của con người; đồng thời giúp cho các cơ quan, những nhà hoạch định chính sách có cách nhìn nhận đúng đắn và chính xác nhất về hoạt động nghề nghiệp đối với NKT có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với chính bản thân họ.

1.2.2. Các hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

Kể từ khi được công nhận là một nghề với các hoạt động chuyên môn, kỹ năng chuyên nghiệp, Công tác xã hội được Thủ tướng Phê duyệt theo quyết định 32/2010/QĐ-TTg, Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020 [16]; mạng lưới các trung tâm dịch vụ công tác xã hội, các hoạt động phi lợi nhuận hỗ trợ NKT cũng như đội ngũ cán bộ, NVCTXH hỗ trợ giúp đỡ cho NKT được quan tâm, mở rộng, nâng cao năng lực và hoạt động hỗ trợ NKT trong lĩnh vực học nghề là một trong những số đó. Vì vậy, tác giả nêu ra 4 hoạt động nổi bật và thiết thực nhằm hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật trong nền kinh tế - xã hội gắn với nghề “*Công tác xã hội*” hiện nay.

1.2.2.1. Hoạt động tư vấn tâm lý trước các khó khăn liên quan đến học nghề

Tâm lý học là ngành khoa học nghiên cứu về hành vi con người. Bao gồm hiểu biết về cách chúng ta suy nghĩ, cảm nhận và hành động của mỗi cá nhân, xã hội hay các nền văn hóa qua thời gian, thông qua các nghiên cứu khoa học về quá trình tư duy và các quá trình sinh lý. Trên thực tế, tâm lý học hỗ trợ cho giáo dục, cải thiện các hành vi và làm thay đổi tư duy, cách suy nghĩ nhằm nâng cao các chức năng trong xã hội.

Hoạt động tư vấn tâm lý là các hoạt động chuyên nghiệp nhằm hỗ trợ trực tiếp tâm lý và tinh thần đối với những con người đang gặp phải các vấn đề trong xã hội thông qua các hoạt động như: trò chuyện, động viên, tham gia các hoạt động, giúp thân chủ nói ra những điều còn khúc mắc, Hoạt động này giúp cho những con người yếu thế, trong đó có NKT vượt qua được mặc cảm, tự ti để vươn lên trong cuộc sống, hòa nhập với xã hội.

Mục đích hoạt động này giúp cho NKT ổn định hơn về mặt tinh thần, giảm bớt những cảm xúc tiêu cực của môi trường làm việc. Bên cạnh đó hoạt động còn giúp cho NKT cũng như gia đình của họ có cái nhìn khách quan hơn về tư tưởng, tình cảm, thái độ, hành vi ứng xử, phù hợp với chuẩn mực, giá trị đạo đức xã hội. Ngoài ra, hoạt động tư vấn tâm lý trước các khó khăn liên quan đến học nghề đối với NKT còn cung cấp cho họ những kiến thức, kinh nghiệm, thông tin liên quan đến việc làm, cùng những cơ hội phát triển khác.

Và thực tiễn thông qua hoạt động này, NKT được NVCTXH hay những nhà tâm lý học có những buổi trò chuyện, trao đổi và đồng hành cùng thân chủ mình trong chặng đường phía trước. Hoạt động này sử dụng các kỹ năng: lắng nghe, đồng cảm, thấu cảm, cùng thân chủ sẽ chia những khó khăn, thách thức để từ đó đề ra những giải pháp tích cực giúp cho NKT vững tin hơn về nghề nghiệp mà mình đã và đang lựa chọn. Hoạt động này trực tiếp hướng tới tâm lý, tinh thần của NKT của quá trình học nghề giúp cho họ cảm thấy mình không là gánh nặng của xã hội. Vậy nên, yếu tố tâm lý, tinh thần là vô cùng quan trọng, bởi lẽ những nhà hoạt động xã hội trong lĩnh vực này cần thiết trang bị những kỹ năng, kiến thức cần thiết để luôn là người bạn đồng hành cùng họ; người NVCTXH cần tránh những từ ngữ miệt thị, căng thẳng trong các buổi trò chuyện, chia sẻ.

Vì vậy, hoạt động tư vấn tâm lý trước các khó khăn liên quan đến học nghề có thể được hiểu như sau: “Là các hoạt động trợ giúp chuyên nghiệp hỗ

trợ tâm lý và tinh thần nhằm nâng cao năng lực, các chức năng xã hội của NKT trong hoạt động học nghề trước các khó khăn, thách thức phía trước”. Hoạt động tư vấn tâm lý trước các khó khăn liên quan đến học nghề nhằm giúp người thụ hưởng tự tin đối mặt với các thách thức, khó khăn đó và hình thành, phát triển nên hoạt động nghề nghiệp hướng tới một cuộc sống tương lai ổn định.

1.2.2.2. Hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm

Hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm là hoạt động thực tiễn thông qua việc tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng mô hình, các điển hình tiên tiến trong xã hội về nghề nghiệp.

Hoạt động này thực hiện theo hai phương thức: trực tiếp và gián tiếp. Việc nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm đối với NKT được NVCTXH trực tiếp thực hiện thông qua các buổi trò chuyện, tiếp xúc, động viên và khích lệ họ tham gia các hoạt động nghề nghiệp, những lợi ích đem đến cho họ. Hoạt động này hướng tới họ - những con người không may mắn trong cuộc sống thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các sự kiện và các buổi hội nghị nhằm nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm đối với NKT.

Nâng cao nhận thức về năng lực và đóng góp của NKT trong hoạt động học nghề và việc làm. Chỉ khi NKT hiểu rõ được quyền lợi, nghĩa vụ và khả năng của bản thân họ mới có thể thuyết phục người khác tôn trọng, nhìn nhận năng lực của mình. Gia đình nhận thức đúng thì mới có thể hỗ trợ, khuyến khích NKT phát triển một cách tối đa năng lực của họ.

Để NKT khẳng định năng lực của mình rất cần đến cộng đồng, xã hội tạo ra các cơ hội, môi trường làm việc thuận lợi để họ thể hiện khả năng, đóng góp trí và lực cho xã hội, cộng đồng nơi họ đang sinh sống, làm việc. Đó là cách nhìn nhận của cộng đồng nơi NKT sinh sống, cách giáo dục và ứng xử của thầy cô nhà trường, thái độ tiếp đón, đánh giá năng lực của NKT tại Trung

tâm. Bởi vậy, các yếu tố xã hội này nếu được tác động, thay đổi và nâng cao nhận thức theo chiều hướng tích cực sẽ là động lực to lớn để NKT vượt qua những khó khăn của mình, phát huy thế mạnh, tham gia xây dựng và phát triển xã hội ngày càng văn minh, công bằng và vững bền hơn.

1.2.2.3. Hoạt động kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho người khuyết tật học nghề

Hoạt động kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho NKT học nghề là hoạt động kết nối các nguồn lực (nội lực và ngoại lực) đối với NKT cả về vật chất lẫn tinh thần bao gồm các tổ chức, cá nhân, cộng đồng của người NVCTXH.

Mục đích của hoạt động này nhằm giúp NKT có thể tìm kiếm được các nguồn lực trong và ngoài nước bao gồm: con người, cơ sở vật chất, tài chính, kỹ thuật, sự nhất quán về đường lối, các chủ trương, chính sách, các quan điểm của Đảng và Nhà nước nhằm cung cấp cho NKT các thông tin, dịch vụ và chính sách trong cơ hội học nghề đối với họ. Cùng với đó, NVCTXH có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá thực trạng, nhu cầu học nghề của NKT để từ đó xây dựng kế hoạch, kết nối NKT với các cơ hội học nghề đến từ các nguồn lực mong muốn sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ đó.

Thông qua hoạt động này, NVCTXH sẽ tìm hiểu được những tâm tư, nguyện vọng của đối tượng thụ hưởng – NKT nhằm kết nối với các tổ chức, các mạnh thường quân cùng chung tay giúp đỡ, hỗ trợ họ vươn lên trong xã hội bằng những cơ hội về nghề nghiệp. Các nguồn lực đó không chỉ hỗ trợ về mặt vật chất, những thiết yếu trong cuộc sống mà còn hỗ trợ về mặt tinh thần: lắng nghe, trò chuyện, chia sẻ, để sự kết nối đó thực sự có ý nghĩa hơn bao giờ hết đối với nhóm đối tượng thụ hưởng của hoạt động nghề này.

1.2.2.4. Hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với người khuyết tật

Sự liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với NKT đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm thông qua các chủ trương, chính sách có ý nghĩa thiết thực tới cuộc sống của NKT, thúc đẩy sự công bằng và hòa nhập xã hội của NKT.

CTXH trong hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với NKT là hoạt động vận dụng những đặc điểm, nhu cầu của NKT kết nối tới các doanh nghiệp, tổ chức hay cá nhân nhằm xây dựng nên mô hình phù hợp đáp ứng nguyện vọng cũng như đảm bảo cuộc sống cho NKT.

Hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với NKT nhằm hướng tới một xã hội công bằng, bình đẳng, mọi người đều có quyền được tham gia và phát triển như nhau. Dân tộc ta có câu: “*Lá lành đùm lá rách*”, chính vì vậy hoạt động này mang ý nghĩa to lớn trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước ngày càng to đẹp hơn. Đối tượng thụ hưởng từ hoạt động này – NKT, nhóm người yếu thế trong xã hội rất cần sự hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ chức, doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nghề nghiệp phù hợp đối với NKT nói riêng và nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội nói chung. Vì vậy, hoạt động liên kết này chính là sự công tâm của xã hội đối với vấn đề việc làm của NKT, đem đến sự công bằng, bình đẳng của tất cả mọi người trong xã hội.

Hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với NKT đòi hỏi người NVCTXH phải thu thập các thông tin số liệu liên quan để đáp ứng tốt nhất nhu cầu, nguyện vọng cũng như đặc điểm của từng loại khuyết tật tới các đơn vị đã và đang có nhu cầu tuyển dụng NKT về làm việc. Cùng với đó, NVCTXH lắng nghe và đồng hành cùng họ - những con người đã và đang cố gắng hòa nhập với xã hội, những con người đã và đang góp phần xây dựng một nền kinh tế, xã hội công bằng và phát triển hơn. Vì vậy, hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với NKT có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với người thụ hưởng và bản thân mỗi cá nhân, doanh nghiệp đang lan tỏa các dự án “*thiện nguyện*” trong xã hội.

Trong hoạt động liên kết này cần phải nghiên cứu và tìm hiểu những nhu cầu, nguyện vọng và đặc điểm của NKT để từ đó xây dựng nên những kế hoạch, lộ trình nghề nghiệp phù hợp đối với NKT tại các doanh nghiệp, đơn vị. Tuy mỗi doanh nghiệp đều chỉ dành một quy trình sản xuất nhỏ dành cho họ, vậy nên những nhà xã hội cần tư vấn, giúp đỡ họ trong công tác xây dựng mô hình nghề phù hợp, đáp ứng nhu cầu nguyện vọng và đặc điểm của NKT để họ thêm vững tin vào nghề nghiệp họ đã lựa chọn.

1.2.3. Một số lý thuyết cơ bản ứng dụng

1.2.3.1. Lý thuyết nhu cầu của Maslow

Thuyết nhu cầu Maslow do nhà tâm lý học A. Maslow đưa ra vào năm 1943 và được thừa nhận là có tầm ảnh hưởng rộng rãi, sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Theo A. Maslow, nhu cầu tự nhiên của con người được chia thành các thang bậc từ "đáy" lên tới "đỉnh", phản ánh mức độ "cơ bản" của nó đối với sự tồn tại và phát triển của con người vừa là một sinh vật tự nhiên, vừa là một thực thể xã hội.

Là con người xã hội, mỗi người đều có những nhu cầu, nhu cầu về vật chất và nhu cầu về tinh thần. Các nhu cầu của con người thường rất đa dạng, phong phú và phát triển. Nhu cầu con người phản ánh mong muốn chủ quan hoặc khách quan tùy theo hoàn cảnh sống, yếu tố văn hóa, nhận thức và vị trí xã hội của họ [15, tr.162].

Để tồn tại, con người cần phải được đáp ứng các nhu cầu cần thiết cơ bản cho sự sống như: ăn, mặc, ở và chăm sóc y tế...; để phát triển, con người cần được đáp ứng các nhu cầu cao hơn như: nhu cầu an toàn, được học hành, được yêu thương, được tôn trọng và khẳng định. Xét cho cùng, sự vận động và phát triển của xã hội loài người nhằm mục đích đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của con người. Việc đáp ứng các nhu cầu con người chính là động cơ thúc đẩy

con người tham gia hoạt động học tập, lao động sản xuất, hoạt động xã hội [15, tr. 163].

Trong thời điểm đầu tiên của lý thuyết, Maslow đã sắp xếp các nhu cầu của con người theo 5 cấp bậc:



- *Nhu cầu cơ bản (basic needs):*

Nhu cầu này còn được gọi là nhu cầu của cơ thể (*body needs*) hoặc nhu cầu sinh lý (*physiological needs*), bao gồm các nhu cầu cơ bản của con người như ăn, uống, ngủ, không khí để thở, tình dục, các nhu cầu làm cho con người thoải mái,...đây là những nhu cầu cơ bản nhất và mạnh nhất của con người. Trong hình kim tự tháp, chúng ta thấy những nhu cầu này được xếp vào bậc thấp nhất: bậc cơ bản nhất. Maslow cho rằng, những nhu cầu ở mức độ cao hơn sẽ không xuất hiện trừ khi những nhu cầu cơ bản này được thỏa mãn và những nhu cầu cơ bản này sẽ chế ngự, hồi thúc, giục giã một người hành động khi nhu cầu cơ bản này chưa đạt được. NKT trong hoạt động nghề nghiệp cũng vậy, họ cũng cần được đáp ứng các nhu cầu thiết yếu

cơ bản trong cuộc sống hàng ngày. Nhu cầu ăn uống ngủ nghỉ, họ cần được đảm bảo các chất dinh dưỡng cần thiết đối với họ trong hoạt động nghề bởi đặc điểm sức khỏe của NKT có sự khác biệt so với người bình thường. Ngoài ra, tinh thần thoải mái và tự tin hăng say khi tham gia hoạt động nghề cũng là một nhu cầu cần được đảm bảo đối với họ vì đó là một đặc quyền dành cho họ, những “con người không may mắn” trong xã hội.

- *Nhu cầu về an toàn, an ninh (safety, security needs)*

Khi con người đã được đáp ứng các nhu cầu cơ bản, khi đó các nhu cầu về an toàn, an ninh sẽ bắt đầu được kích hoạt. Nhu cầu an toàn và an ninh thể hiện trong cả thể chất lẫn tinh thần. Con người mong muốn có sự bảo vệ cho sự sống còn của mình khỏi các nguy hiểm. Do vậy, nhu cầu này sẽ trở thành động cơ hoạt động trong các trường hợp khẩn cấp, nguy khốn đến tính mạng như chiến tranh, thiên tai,.. NKT trong hoạt động nghề nghiệp cũng cần phải được đảm bảo các phương tiện, công cụ và một môi trường làm việc phù hợp nhất để họ *an tâm* khi tham gia các hoạt động góp phần xây dựng nền An sinh xã hội bền vững. NKT có đặc điểm ngoại hình hay các dạng tật khó khăn hơn người khác, chính vì vậy sự an toàn – an ninh sẽ đảm bảo một xã hội công bằng, văn minh hơn.

Nhu cầu an toàn cũng được khẳng định thông qua các mong muốn về sự ổn định trong cuộc sống như: có nhà cửa để ở, sống trong các khu phố an ninh, trong xã hội có pháp luật,...hay nhiều người tìm đến sự che chở bởi các niềm tin tôn giáo, triết học cũng là do nhu cầu an toàn này, đây chính là việc tìm kiếm sự an toàn về mặt tinh thần.

- *Nhu cầu về xã hội/ Nhu cầu được chấp nhận (social needs)*

Nhu cầu về xã hội còn được gọi là nhu cầu mong muốn thuộc về một bộ phận, một tổ chức nào đó (*belonging needs*) hoặc nhu cầu về tình cảm, tình thương (*needs of love*). Nhu cầu này thể hiện qua quá trình giao tiếp như việc tìm kiếm, kết bạn, tìm người yêu, lập gia đình, tham gia một cộng đồng nào đó, đi làm việc, đi chơi picnic, tham gia các câu lạc bộ, làm việc nhóm, ... NKT có nhu cầu được giao lưu, mong muốn được toàn xã hội chấp nhận, giúp đỡ và hỗ trợ họ tham gia các hoạt động, trong đó có hoạt động nghề nghiệp. Chính vì vậy đã có rất nhiều tổ chức, câu lạc bộ dành cho NKT đã được thành lập và phát triển rộng rãi giúp cho NKT hòa nhập với cộng đồng.

- *Nhu cầu về được quý trọng (esteem needs)*

Nhu cầu này còn được gọi là nhu cầu tự trọng (*self esteem needs*) vì nó thể hiện hai cấp độ: nhu cầu được người khác quý mến, nể trọng thông qua các thành quả của bản thân, và nhu cầu cảm nhận, quý trọng chính bản thân, danh tiếng của mình, có lòng tự trọng, sự tự tin vào khả năng của bản thân. Đó là nhu cầu mà ai trong xã hội cũng cần phải có, trong đó NKT không vì những khiếm khuyết của bản thân mình mà nhận lại sự cảm thương của người khác, họ vẫn đã và đang cố gắng nỗ lực phấn đấu hết sức mình để được sự quý trọng đó ngày càng trở nên có ý nghĩa hơn. NKT trong hoạt động nghề được sự quý mến và tôn trọng của những người đồng nghiệp bằng nghị lực và quyết tâm của chính họ trong công tác nghề, giúp cho xã hội ngày càng phát triển hơn. Và chính mỗi công việc đó đã khiến cho xã hội trở nên cảm phục họ hơn.

- *Nhu cầu được thể hiện mình (self-actualizing needs)*

Maslow mô tả nhu cầu này như sau: “*self-actualization as a person's need to be and do that which the person was “born to do”* (nhu cầu của một cá nhân mong muốn được là chính mình, được làm những cái mà mình “sinh ra để làm”). Nói một cách đơn giản, đây chính là nhu cầu được sử dụng hết

khả năng, tiềm năng của mình để tự khẳng định mình, để làm việc, đạt các thành quả trong xã hội. NKT mong muốn được thể hiện, phấn đấu hết sức mình trong một môi trường làm việc phù hợp và nhận được sự tôn trọng từ các bạn đồng nghiệp bởi vậy họ mới phát huy hết khả năng của mình, những tiềm năng còn ẩn sâu trong họ giúp cho xã hội ngày càng trở nên phồn thịnh và tốt đẹp hơn. Họ mong muốn “*không may mắn*” chứ không phải là “*kém may mắn*”, ai ai cũng có một tiềm năng riêng để phát huy, chính điều đó đã khiến NKT trở nên gắn kết và tràn đầy năng lượng hơn bao giờ hết.

Thuyết nhu cầu của A.Maslow là thuyết đạt tới đỉnh cao trong việc nhận dạng các nhu cầu tự nhiên của con người nói chung và cho đến nay, chưa có thuyết nào thay thế được.

1.2.3.2. Lý thuyết hệ thống

Hệ thống là tập hợp nhiều yếu tố đối với cùng loại hoặc cùng chức năng có quan hệ hoặc liên hệ với nhau chặt chẽ làm thành một thể thống nhất (Từ điển Tiếng Việt).

Thuyết hệ thống ra đời từ năm 1940 do nhà sinh vật học Ludvig Von Bertalanffy khởi xướng. Thuyết hệ thống bao quát mọi lĩnh vực (tin học, sinh học, kinh tế, xã hội học...), một hệ thống được định nghĩa là một tổng thể phức hợp gồm nhiều yếu tố liên quan với nhau và mỗi biến động trong một yếu tố nào đó đều tác động lên những yếu tố khác và cũng tác động lên toàn bộ hệ thống. Ông cho rằng tất cả cơ quan đều là các hệ thống, bao gồm những hệ thống nhỏ hơn và là phần tử của các hệ thống lớn hơn. Một hệ thống có thể gồm nhiều tiểu hệ thống, đồng thời là một bộ phận của một đại hệ thống. Có những hệ thống khép kín, không trao đổi với hệ thống xung quanh. Từ quan điểm này đã ảnh hưởng tới các ngành khoa học khác, kể cả ngành Công tác xã hội. Hoạt động CTXH đối với NKT trong hỗ trợ học nghề là hệ thống các tiện ích mong muốn đem đến cho NKT trong việc hòa nhập với xã hội, trong hệ

thống đó lại bao gồm các tiểu hệ thống tác động đến như: nhu cầu, đặc điểm, môi trường hay nhận thức, Từ đó, các yếu tố tác động đó, ta gọi chung là các tiểu hệ thống sẽ tác động tích cực tới hệ thống ta đang xây dựng nên giúp cho NKT tự tin hơn trong cuộc sống.

Hệ thống có tính phụ thuộc, bao gồm:

- Tính phụ thuộc trong hệ thống: các phần tử trong hệ thống luôn có quan hệ tương hỗ. Một thay đổi của phần tử này sẽ ảnh hưởng tới các phần tử khác trong hệ thống.
- Tính phụ thuộc giữa các hệ thống: mọi hệ thống đều có tương tác với những hệ thống khác, các hệ thống đều tìm kiếm sự cân bằng từ các hệ thống khác.
- Tính phụ thuộc vào môi trường: Mọi hệ thống đều cần đầu vào hay năng lượng từ môi trường bên ngoài để tồn tại.

CTXH trong hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT là hoạt động có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với họ trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường hiện nay. Chính vì vậy khi áp dụng lý thuyết hệ thống, tác giả đã chấp nối các yếu tố liên quan tác động trở lại lẫn nhau tạo nên sự tích cực trong cuộc sống của NKT. Đối với mỗi cá nhân được coi là một hệ thống vi mô. Hệ thống vi mô có ba tiểu hệ thống: Hệ thống tâm lý, hệ thống sinh học và hệ thống hành vi. Hệ thống tâm lý, NKT có tâm lý e ngại, tự ti về bản thân mình – đó chính là một trong những hệ thống quyết định tới hoạt động nghề dành cho NKT, tâm lý họ có vững tin thì cơ hội nghề nghiệp của họ mới được đảm bảo. Cùng với đó là hệ thống các văn bản, các cơ chế chính sách tác động tới hoạt động nghề dành cho NKT mà CTXH đang là những người hỗ trợ, biện hộ. Ngoài ra, các tiểu hệ thống của con người chịu sự tác động của cả hệ thống gia đình, hệ thống xã hội. Đó là sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình, họ quan tâm động viên và khích lệ thành viên là NKT tham gia các hoạt động nghề nghiệp trong xã hội để

có thể tự trang trải cuộc sống của mình sau này. Cùng với đó là sự nhìn nhận của xã hội đúng đắn và chính xác hơn về NKT, họ cũng có trách nhiệm xây dựng nên một xã hội công bằng – văn minh và giàu đẹp.

1.3. Các yếu tố tác động đến việc thực hiện hoạt động công tác xã hội đối với người khuyết tật trong hoạt động nghề

1.3.1. Cơ chế chính sách

Hoạt động CTXH đối với NKT trong hoạt động nghề hướng tới các nhóm đối tượng là người khuyết tật về định hướng nghề nghiệp, tạo lập sự nghiệp tương lai của nhóm đối tượng yếu thế này. Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với những “mảnh đời không may mắn”, trong đó có người khuyết tật thể hiện tinh thần tương thân tương ái, đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Vì vậy hoạt động CTXH có tác động vô cùng quan trọng đối với cơ chế chính sách trong hoạt động nghề đối với đối tượng được thụ hưởng.

Đường lối và chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong việc phát triển nghề CTXH: Nghề CTXH đã được công nhận theo Quyết định 32/2010/QĐ-TTg [16] của Thủ tướng Chính phủ, vì vậy đội ngũ NVCTXH cần chuyên nghiệp hóa, trang bị đầy đủ những kiến thức và kỹ năng, cùng với đó là phẩm chất đạo đức tốt, trau dồi và rèn luyện để có thể hỗ trợ giúp đỡ những đối tượng yếu thế trong xã hội, trong đó có hoạt động nghề dành cho NKT để giải quyết việc làm.

Ngoài ra, các chính sách xã hội sẽ là yếu tố tác động trực tiếp đến việc thực hiện hoạt động CTXH đối với NKT trong học nghề. Chính sách có phù hợp với đặc điểm và tình hình xã hội sẽ có tác động tới NKT trong cuộc sống hướng nghiệp sau này. Các cơ chế chính sách phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, sự đồng lòng của các Bộ ban ngành từ Trung ương đến địa phương, các tổ chức đoàn thể và quan trọng nhất là lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của chính đối tượng thụ hưởng – *Người khuyết tật*. Chính vì

tùy từng nhóm đối tượng khuyết tật mà những nhà hoạch định chính sách sẽ có những kiến nghị, đề xuất khác nhau giúp cho CTXH đối với NKT trong hoạt động nghề ngày càng trở nên ý nghĩa hơn bao giờ hết.

Cùng với đó, việc bổ sung và hoàn thiện các cơ chế chính sách phù hợp với thực tiễn trong hoạt động nghề của NKT, Công tác xã hội viên sẽ là những con người “hỗ trợ tinh thần”, đồng viên, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của NKT về những khó khăn, những trở ngại trong cuộc sống nghề của NKT. Qua đó, NVCTXH sẽ là cánh tay dài kết nối các cơ chế chính sách tới người thụ hưởng, người khuyết tật – Vì một tương lai tươi sáng hơn rất cần sự chung tay góp sức của toàn xã hội mà chúng tôi, những NVCTXH sẽ là “*miền đất hứa*” giúp đỡ những mảnh đời không may mắn đó có cuộc sống tốt đẹp hơn.

1.3.2. Cơ sở vật chất

Đất nước ta đang trong thời kì quá độ lên xã hội chủ nghĩa. Cùng với đó là các cơ hội khi hội nhập với nền kinh tế thế giới. Mặc dù Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm tới các chính sách dành cho các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, trong đó có NKT song vẫn còn nhiều thách thức trong việc đảm bảo nền An sinh xã hội.

Một nền kinh tế - xã hội phát triển ổn định và bền vững đòi hỏi sự phát triển của con người một cách toàn diện nhất. Con người có phát triển được quan trọng nhất là dựa vào yếu tố môi trường và cơ sở vật chất. Chính vì vậy, CTXH đối với NKT trong hoạt động nghề sẽ phát huy đúng vai trò trong xã hội nếu yếu tố về cơ sở vật chất được đảm bảo. Hiện nay, NKT trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng đang gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế về các trang thiết bị, môi trường bảo hộ để được học nghề một cách hiệu quả nhất. Bởi có lẽ NKT là đối tượng yếu thế trong xã hội nên chưa được chú trọng và quan tâm.

Một môi trường với nền tảng cơ sở vật chất hoàn thiện và phù hợp sẽ giúp cho hoạt động nghề của NKT sẽ trở nên thuận lợi và dễ dàng hơn, song rất cần sự chung tay góp sức của toàn xã hội, trong đó NVCTXH sẽ làm nhiệm vụ kết nối những mảnh ghép đó để ghép nên “*một bức tranh xã hội công bằng hơn bao giờ hết*”.

1.3.3. Nhân viên Công tác xã hội

NVCTXH là những con người được đào tạo và bồi dưỡng những kiến thức, sử dụng các kỹ năng xã hội chuyên nghiệp và có nhiệm vụ hỗ trợ, giúp đỡ những đối tượng yếu thế trong xã hội, trong đó có NKT mà hoạt động nghề nghiệp dành cho họ là nhiệm vụ trọng tâm.

Ngoài ra việc lựa chọn kỹ năng của hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với NKT đòi hỏi NVCTXH cần có kinh nghiệm, hiểu biết sâu rộng, nắm bắt được tâm sinh lý, vấn đề, nhu cầu của họ. Qua đó sẽ lựa chọn cho các kỹ năng phù hợp và cần thiết nhất nhằm tối ưu hóa, chuyên nghiệp của hoạt động trong hỗ trợ nghề nghiệp đối với NKT.

Yếu tố thuộc về đạo đức nghề nghiệp: NVCTXH cần thực sự là người có tâm trong hỗ trợ nghề nghiệp đối với họ; Mong muốn làm việc hiệu quả nhất với NKT trong mọi lĩnh vực của hoạt động nghề nghiệp; Có tâm huyết và nhận thức sâu sắc về ý nghĩa của hoạt động nghề đem lại đối với họ; Và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn và thách thức khi làm việc với NKT trong mọi hoàn cảnh khác nhau.

NVCTXH là người kết nối họ với những yếu tố tác động trực tiếp tới những vấn đề, những khó khăn, trở ngại đang tồn tại trong họ. NVCTXH là người lắng nghe tâm tư, nguyện vọng để từ đó đưa ra những giải pháp, kiến nghị tới những nhà hoạch định chính sách để NKT tiếp cận được vấn đề mà họ đang quan tâm gần hơn, thiết thực hơn bao giờ hết. Hoạt động trợ giúp NKT nói chung và hoạt động nghề dành cho NKT nói riêng đã và đang ngày càng được

quan tâm hơn với sự kết nối, huy động của NVCTXH đồng hành cùng họ trên con đường tới những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như những cá nhân, tổ chức, các mạnh thường quân có tấm lòng hảo tâm.

NVCTXH với sứ mệnh đem đến sự công bằng, bình đẳng cho tất cả mọi người trong xã hội, trong đó có NKT sẽ luôn nâng cao, rèn luyện và đem đến điều tốt đẹp nhất dành cho “*những mảnh đời không may mắn*” đó. Tôi – với tư cách là một NVCTXH tự nhủ với lòng mình rằng: “*Nếu còn thiếu, duy chỉ một mảnh ghép trong bức tranh đó, chúng tôi và các bạn sẽ chấp nối mảnh ghép đó để bức tranh đó trở nên hoàn hảo hơn bao giờ hết*”.

1.3.4. Người khuyết tật và gia đình người khuyết tật

CTXH trong hoạt động nghề đối với NKT hướng tới nhóm đối tượng là những người bị khiếm khuyết hay một hoặc nhiều bộ phận trên cơ thể, hoặc có những rối loạn tâm sinh lý hay một chức năng nào đó. Chính vì vậy, NKT và gia đình của NKT là một trong những yếu tố quyết định tới hiệu quả của CTXH trong hoạt động nghề dành cho nhóm đối tượng thụ hưởng này.

NKT là nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, vì vậy những nhận thức và suy nghĩ của họ về hoạt động nghề còn hạn chế, chưa hình thành nên những dự định của bản thân cho tương lai. Và CTXH trong hoạt động nghề dành cho đối tượng thụ hưởng này có phát huy hiệu quả phụ thuộc rất nhiều vào khả năng tiếp thu, trau dồi và phát triển nghề, vươn lên trong cuộc sống của họ. Phần lớn NKT sinh ra và lớn lên trong điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, bên cạnh đó là tâm lý tự ti, mặc cảm nên hoạt động nghề cho NKT còn khá mới mẻ, chưa phát triển ở các vùng miền. Chính vì vậy, NKT rất cần sự chung tay góp sức của tất cả mọi người trong xã hội.

Ngoài ra, gia đình của NKT cũng là một yếu tố tác động vô cùng to lớn tới bản thân NKT trong hoạt động nghề. Gia đình và cái nôi sinh ra và ươm

mầm những tài năng “*không may mắn trong xã hội*”. Phần lớn những gia đình có thành viên là NKT sinh sống ở những vùng nông thôn, điều kiện kinh tế khó khăn, rất hạn chế về thông tin, các kiến thức trong hoạt động nghề của NKT, một phần là do những quan niệm bên trong họ “*đã khiếm khuyết như vậy thì còn làm gì được nữa, dường như phó mặc cho cuộc sống*”. Vì có NKT nên ảnh hưởng phần nào đến kinh tế của gia đình do mất nhiều thời gian chăm sóc NKT, không có thời gian làm việc, gia đình trở nên khó khăn sẽ ảnh hưởng đến đời sống tâm lý của cha mẹ và cũng ảnh hưởng đến đời sống tâm lý của NKT. Không ít người có anh chị em ruột là NKT thường cảm thấy lo sợ và xấu hổ. Mặc dù họ có thể rất yêu thương anh chị em của mình, nhưng họ không muốn có người khác biết về người đó. Vì vậy, họ thường có xu hướng che giấu và né tránh những cuộc gặp gỡ giữa bạn bè họ và người anh chị em là NKT đó [9, tr. 190]. Thông qua đó, gia đình của NKT còn thiếu và yếu các thông tin cần thiết bởi trình độ văn hóa, điều kiện kinh tế sống, vậy nên NKT không có cơ hội phát triển nghề như những người bình thường khác.

Chính vì vậy, hoạt động CTXH trong học nghề dành cho NKT phụ thuộc rất nhiều vào đối tượng và gia đình của đối tượng thụ hưởng. Hoạt động nghề được quan tâm và phát triển nếu như được sự đồng lòng, chung sức của cả đối tượng thụ hưởng lẫn các yếu tố liên quan tác động tới hoạt động.

1.4. Quan điểm của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước trong việc thực hiện hoạt động nghề cho người khuyết tật

1.4.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước trong việc thực hiện hoạt động nghề cho người khuyết tật

Luật người khuyết tật được Quốc hội thông qua 17/6/2010, có hiệu lực từ 01/01/2011 [10]. Luật người khuyết tật có 10 chương, 53 điều, trong đó quy định rõ về việc khám, chữa bệnh cho người khuyết tật từ nguồn kinh phí của nhà nước. Trong đó có quy định gồm 4 điều, từ điều 32 đến điều 35 quy định về

hỗ trợ học nghề, dạy nghề đối với người khuyết tật; trách nhiệm của cơ sở dạy nghề; người học nghề và giáo viên dạy nghề; các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là người khuyết tật; các tổ chức doanh nghiệp nghiên cứu và quy định các công việc phù hợp cho người khuyết tật.

Luật người khuyết tật được Quốc hội thông qua 17/6/2010, có hiệu lực từ 01/01/2011. Luật người khuyết tật có 10 chương, 53 điều. Trong đó Chương V, điều 32. Dạy nghề đối với người khuyết tật như sau:

a) Nhà nước bảo đảm để người khuyết tật được tư vấn học nghề miễn phí, lựa chọn và học nghề theo khả năng, năng lực bình đẳng như những người khác.

b) Cơ sở dạy nghề có trách nhiệm cấp văn bằng, chứng chỉ, công nhận nghề đào tạo khi người khuyết tật hết chương trình đào tạo và đủ điều kiện theo quy định của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề.

c) Cơ sở dạy nghề tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật phải đảm bảo điều kiện dạy nghề cho người khuyết tật và được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

d) Người khuyết tật học nghề, giáo viên dạy nghề cho người khuyết tật được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Trong Đại hội X, khi tiếp tục đưa chủ trương đảm bảo an sinh xã hội thành định hướng phát triển bền vững đất nước, Đảng ta đã khẳng định: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển”, “càng đi vào phát triển kinh tế thị trường, càng phải chăm lo tốt hơn phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, phát triển giáo dục văn hoá, chăm sóc sức khoẻ nhân dân”.

1.4.2. Chính sách pháp luật của Nhà nước đối với người khuyết tật

Luật người khuyết tật được Quốc hội thông qua 17/6/2010, có hiệu lực từ 01/01/2011 quy định:

a) Hàng năm, Nhà nước bố trí ngân sách để thực hiện chính sách về người khuyết tật.

b) Phòng ngừa, giảm thiểu khuyết tật bẩm sinh, khuyết tật do tai nạn thương tích, bệnh tật và nguy cơ khác dẫn đến khuyết tật.

c) Bảo trợ xã hội; trợ giúp người khuyết tật trong chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, việc làm, văn hóa, thể thao, giải trí, tiếp cận công trình công cộng và công nghệ thông tin, tham gia giao thông; ưu tiên thực hiện chính sách bảo trợ xã hội và hỗ trợ người khuyết tật là trẻ em, người cao tuổi.

d) Lồng ghép chính sách về người khuyết tật trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

e) Tạo điều kiện để người khuyết tật được chỉnh hình, phục hồi chức năng; khắc phục khó khăn, sống độc lập và hòa nhập cộng đồng.

f) Đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác tư vấn, chăm sóc người khuyết tật.

g) Khuyến khích hoạt động trợ giúp người khuyết tật.

h) Tạo điều kiện để tổ chức của người khuyết tật, tổ chức vì người khuyết tật hoạt động.

i) Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích, đóng góp trong việc trợ giúp người khuyết tật.

k) Xử lý nghiêm minh cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Theo Quyết định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ, có hiệu lực thi hành

từ ngày 01/6/2012 quy định: Miễn, giảm giá vé, giá dịch vụ, thực hiện lộ trình cải tạo công trình công cộng, phương tiện giao thông tiếp cận và nuôi dưỡng hỗ trợ tại các trung tâm bảo trợ xã hội dành cho người khuyết tật.

Theo Quyết định số: 1019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 8 năm 2012 về phê duyệt đề án trợ giúp NKT giai đoạn 2012 – 2020 [17]. Đề án đưa ra một số mục tiêu cụ thể trong các giai đoạn như sau:

a) Giai đoạn 2012 – 2015

- 250.000 người khuyết tật trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp.

b) Giai đoạn 2016 - 2020

- 300.000 người khuyết tật trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp.

Cùng với các hoạt động chủ yếu của đề án:

+ Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy nghề và tư vấn viên việc làm cho người khuyết tật.

+ Tư vấn học nghề, việc làm theo khả năng của người khuyết tật;

+ Nghiên cứu xây dựng và nhân rộng mô hình dạy, học nghề gắn với tạo việc làm cho người khuyết tật;

+ Xây dựng thí điểm mô hình phục hồi chức năng lao động cho người khuyết tật tại một số tỉnh;

+ Dạy nghề, tạo việc làm phù hợp cho người khuyết tật.

Kinh phí dạy nghề cho người khuyết tật được bố trí trong Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề với mức hỗ trợ tối đa 6 triệu đồng/người/khóa học.

Chính sách của Nhà nước đối lao động là NKT, điều 176, Bộ Luật Lao động quy định:

- Nhà nước bảo trợ quyền lao động, tự tạo việc làm của lao động là

người khuyết tật, có chính sách khuyến khích và ưu đãi người sử dụng lao động tạo việc làm và nhận lao động là người khuyết tật vào làm việc, theo quy định của Luật Người khuyết tật.

- Chính phủ quy định chính sách cho vay vốn ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật.

Khoản 6, Điều 5 Luật Việc làm 2013 quy định chính sách Nhà nước về việc làm: “Hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số” [13].

Khoản 2, Điều 12 Luật Việc làm 2013 quy định đối tượng vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm với mức lãi suất thấp trong đó có người khuyết tật và doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hội kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật [13].

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của đối tượng thụ hưởng, từ chính gia đình người được thụ hưởng, được sự ủng hộ của mọi tầng lớp nhân dân, là nghĩa cử cao đẹp và truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trong văn kiện Đại hội Đảng XII đã nêu rõ: “Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân”. Bởi vậy, an sinh xã hội đã trở thành vấn đề trọng tâm trong các chiến lược phát triển của đất nước ta.

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm dạy nghề dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội hướng tới chính đối tượng là người khuyết tật, đối tượng yếu thế rất cần sự giúp đỡ kịp thời từ các cơ chế chính sách xã hội, các tổ chức xã hội trong đó có hoạt động CTXH đối với NKT trong hỗ trợ học nghề tại Trung tâm. Điều đó đem lại cuộc sống tốt hơn cho người khuyết tật, giúp họ hòa nhập với cộng đồng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - văn hóa và xã hội của đất nước.

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm không chỉ được sự trợ giúp từ các Bộ, ban, ngành, sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Đảng và Nhà nước mà còn có sự giúp đỡ, tài trợ từ các cá nhân tổ chức từ thiện trong và ngoài nước. Từ đó giúp cho NKT tự tin hơn trong cuộc sống và đảm bảo một cuộc sống phát triển và ổn định sau này, giúp cho nền An sinh xã hội của nước nhà ngày càng chạm tới những mảnh đời, những số phận còn kém may mắn trong xã hội.

Để đạt hiệu quả cao nhất trong việc thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội rất cần sự chung tay góp sức của toàn cộng đồng xã hội, của các Tổ chức giúp đỡ trong và ngoài nước. Bởi chỉ có

vậy, cuộc sống của NKT tại Trung tâm nói riêng và xã hội của NKT trên toàn thế giới sẽ ngày càng trở nên tốt đẹp hơn bao giờ hết.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT TỪ THỰC TIỄN TẠI TRUNG TÂM DẠY NGHỀ TỪ THIỆN QUỲNH HOA, HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Vài nét về địa bàn và khách thể nghiên cứu

2.1.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa được thành lập vào ngày 04/4/2010 (được trưởng thành từ Cơ sở dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa ra đời ngày 28/8/2007) dưới sự bảo trợ của Tổ chức Hỗ trợ - Giáo dục trẻ em thiệt thòi (OSEDC) Việt Nam.

Một vài hình ảnh về không gian trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội trong công tác hỗ trợ NKT:



Hưởng ứng chủ trương toàn dân chăm lo cho Người Khuyết Tật (NKT) và phong trào Người người làm việc thiện, Nhà nhà làm việc thiện của Đảng và Nhà nước phát động, nên ngày 28/8/2007 cơ sở Dạy Nghề Từ Thiện Quỳnh Hoa ra đời muốn cùng cả xã hội làm một việc gì đó để hỗ trợ phần nào đó cho những người thiệt thòi trong cả nước.

Đứng trước khó khăn đó, Ban Giám Đốc cơ sở Quỳnh Hoa đã phải trăn trở, cử người đi nhận hàng may, hàng thêu và lên tận Móng Cái – Quảng Ninh cả tháng để học cách làm hoa lụa về dạy cho các em. Thời gian qua đi, cuộc sống dần đổi thay, năm 2009 cơ sở Quỳnh Hoa đã giúp Người khuyết tật (NKT) làm quen với nghề thủ công giấy cuộn và Người khuyết tật (NKT) đã cảm thấy phù hợp với sức khỏe của chính mình. Sau 3 năm hoạt động có hiệu quả, Tổ Chức (OSEDC) đã ra quyết định thành lập Trung Tâm Dạy Nghề Từ Thiện Quỳnh Hoa tại thôn Thanh Oai – xã Hữu Hòa – huyện Thanh Trì – Thành phố Hà Nội theo quyết định số 04/QĐ-GDTE, ngày 04/4/2010 của giám đốc Tổ chức hỗ trợ và giáo dục trẻ em thiệt thòi (OSEDC) Việt Nam. Đến với Quỳnh Hoa, người khuyết tật được dạy nghề miễn phí, được đào tạo việc làm và có thêm thu nhập, được hỗ trợ tiền ăn và không phải đóng góp các khoản chi phí sinh hoạt nào khác,

Trung tâm hoạt động với chức năng: Hoạt động từ thiện, nhân đạo, dạy nghề và sắp xếp việc làm cho các cháu, mong muốn trở thành mái nhà thứ hai của những người thiệt thòi do khuyết tật vận động, nhiễm chất độc da cam, di chứng chiến tranh, trẻ mồ côi, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn trong phạm vi toàn quốc.

Trong những năm qua, Trung tâm đã đào tạo những lớp học nghề: lớp may công nghiệp, lớp thủ công bằng giấy cuộn, lớp nghệ thuật hoa lụa, làm mộc, lớp thêu, Tin học, Trong đó hai nghề chính là: nghề may và nghề thủ công giấy cuộn.

Trung tâm hoạt động với các chức năng cơ bản:

- Dạy nghề, dạy văn hóa cho NKT đến học tập và sinh sống tại trung tâm;
- Tạo việc làm sau khi NKT học xong hoặc vừa học vừa làm việc để có thu nhập;
- Giới thiệu việc làm cho NKT sau khi họ hoàn thành việc học và có nhu cầu trở về địa phương, đi làm ở bên ngoài;
- Chức năng hoạt động trợ giúp pháp lý, chăm sóc sức khỏe, can thiệp hỗ trợ tâm lý cho NKT sinh sống và học tập tại trung tâm, đây là những hoạt động thường niên được Ban giám đốc trung tâm quan tâm và chỉ đạo thực hiện, đặc biệt là từ năm 2010 có nhiều đoàn sinh viên chuyên ngành CTXH đến xin thực hành thực tập, đây cũng vừa là cơ sở và điều kiện để cho sinh viên tiếp cận ca, hỗ trợ NKT vừa là nguồn lực hỗ trợ trung tâm trong quá trình chăm sóc, giúp đỡ NKT.

Với tổng thể diện tích lên tới 1.200m², cơ sở vật chất hiện tại bao gồm: 01 xưởng may rộng 110m², xưởng thủ công 80m² riêng biệt, 01 phòng ở cho nam giới và 03 phòng ở cho nữ giới với tổng diện tích 165m², có khu bếp ăn riêng biệt, công trình phụ, vườn hoa cây cảnh, cây ăn quả, sân chơi cho NKT đi lại dễ dàng, ngoài ra trung tâm còn có 300m² vườn trồng rau sạch phục vụ cho các bữa ăn hàng ngày đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

2.1.2. Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Hiện nay, trung tâm có 95 học viên, trong đó 55 học viên ở nội trú và 40 học viên ở ngoại trú; Ban giám đốc có 02 người (Giám đốc và phó giám đốc), có 1 người cấp dưỡng và 08 giáo viên, chuyên viên; ngoài ra trung tâm còn có rất nhiều tình nguyện viên trong nước chủ yếu từ các tổ chức xã hội, các trường đại học, cao đẳng và cá nhân, tổ chức nước ngoài đến hỗ trợ, giúp đỡ.

Trong số 95 học viên đang theo học và làm nghề tại Trung tâm có 55 học viên ở nội trú và 40 học viên ở ngoại trú, trong đó tác giả thực hiện nghiên cứu ở 80 đối tượng, 15 đối tượng còn lại không đủ điều kiện để tham gia mẫu nghiên cứu, lý do là có một số học viên NKT bị khiếm khuyết khá nặng không thể nghe và nói được, không thể phục vụ cho cuộc khảo sát chính xác và khách quan được. Chính vì vậy, để có được sự khái quát ban đầu trong thu thập ý kiến của những đối tượng được thụ hưởng, nhà nghiên cứu đã có cuộc khảo sát đầu tiên về tỷ lệ giới tính tại Trung tâm thông qua phiếu hỏi được thể hiện trong biểu đồ 1.1 dưới đây:



Biểu đồ 1.1: Tỷ lệ giới tính tại Trung tâm

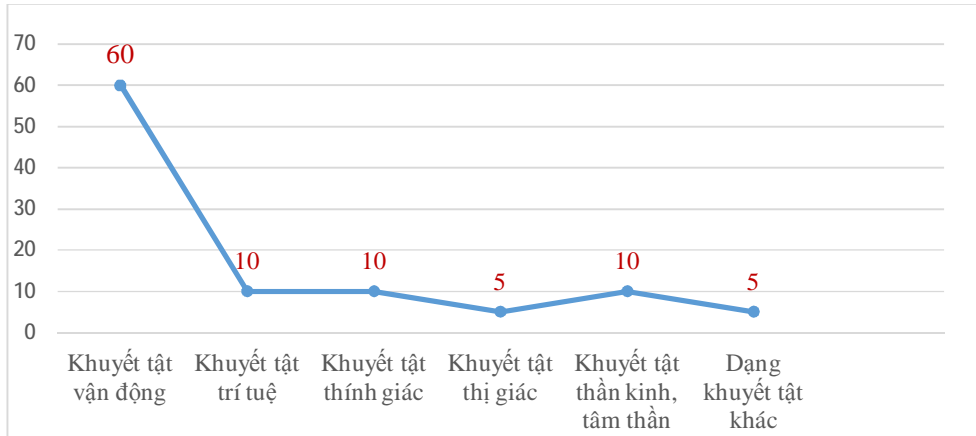
Trên đây là biểu đồ thể hiện tỷ lệ giới tính tại Trung tâm, trong đó nam giới chiếm tỷ lệ 40% tương đương với 32 học viên, tỷ lệ nữ giới chỉ chiếm có 60% tương đương với 48 học viên tại Trung tâm; điều điều này cho thấy tỷ lệ

giới về NKT tại Trung tâm cũng có sự chênh lệch khá lớn giữa nam và nữ, tỷ lệ nữ khuyết tật chiếm gấp 1,5 lần so với nam giới khuyết tật, điều này cho thấy rằng những nghề học tập tại trung tâm thường phù hợp hơn so với nữ giới: nghề may, giấy cuộn thủ công hình 12 con giáp - những công việc nhẹ nhàng, đòi hỏi sự tỉ mỉ và khéo léo với những đôi bàn tay mềm mại và một ý chí nghị lực dẻo dai.

Học viên học tại trung tâm không phải đóng học phí, học và làm các nghề chủ yếu như: may công nghiệp; thủ công giấy cuộn, mộc, thêu, làm hoa lụa, đan lát,... Nhưng thu nhập chủ yếu hiện nay dựa vào 2 nghề: may công nghiệp và thủ công giấy cuộn. Đây là những sản phẩm tự tay NKT làm ra và được bán tại các trung tâm giới thiệu sản phẩm, siêu thị lớn của Hà Nội, được khách hàng rất yêu thích.

Hình thức tuyển sinh là những người khuyết tật, những con người ảnh hưởng bởi chất độc da cam, trẻ mồ côi và một số con em nhà nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thiếu năng trí tuệ ở các tỉnh thành phố trong cả nước về nuôi ăn ở tại Trung tâm và dạy nghề miễn phí, giới thiệu việc làm, tạo công việc ổn định cho nhiều người khuyết tật.

Chính vì vậy, trong những năm qua, Trung tâm đã và đang hỗ trợ học nghề thông qua hoạt động CTXH giúp người khuyết tật dần hòa nhập cộng đồng, nâng cao chất lượng đời sống. Thông qua đó, việc thu thập ý kiến từ bảng hỏi nhằm thu thập những dạng khuyết tật ở nhóm đối tượng này tại Trung tâm sẽ giúp nhà nghiên cứu có cách đánh giá khái quát nhất về dạng tật qua bảng biểu 1.2 dưới đây:



Biểu đồ 1.2: Các dạng tật của NKT tại Trung tâm

Trong biểu đồ trên, ta thấy được các dạng tật của NKT khi tham gia hoạt động nghề nghiệp tại Trung tâm. Trong đó, đa số đa số NKT khi đến với trung tâm thường là khuyết tật vận động, chiếm tới 60% trong tổng số NKT được nghiên cứu. Chính vì vậy cần có những dịch vụ hỗ trợ phù hợp dạng tật đa số này để họ có thể tích cực tham gia các hoạt động xã hội lại vừa có thể tham gia lao động sản xuất có hiệu quả như những người không khuyết tật khác; tiếp đến các dạng tật về khuyết tật trí tuệ, khuyết tật về thính giác và khuyết tật về thần kinh với tỷ lệ là 10%; còn dạng tật về thị giác và các dạng tật khác cùng chiếm tỷ lệ là 5%.

Từ kết quả trên cho ta thấy rằng tại trung tâm đã có sự đa dạng về các dạng tật rất khác nhau, đối với mỗi dạng tật thì họ có những nhu cầu, những khó khăn khác nhau và những khó khăn này tác động qua lại lẫn nhau, do đó cần có sự trợ giúp phù hợp và hiệu quả để hỗ trợ cho các đối tượng được cơ hội, điều kiện để thể hiện bản thân, cũng như tham gia vào các hoạt động xã hội, hòa nhập tốt với cộng đồng sau khi ra đã “*chắc tay nghề, vững ý chí*” tại Trung tâm. Như chia sẻ của lãnh đạo của trung tâm, qua phỏng vấn sâu bà Nguyễn Thị Hoa – Giám đốc trung tâm: “*Các em ở trong trung tâm có rất nhiều dạng tật khác nhau, có những em bị khuyết tật về trí tuệ, động kinh, nhưng nếu có thể tự đi lại được, ăn uống được thì trung tâm vẫn nhận nuôi*”

đường, chăm sóc và phục hồi chức năng cho các em, với mong muốn tạo cho các em một nghề để sau này ra ngoài hòa nhập tốt hơn với cộng đồng và có thể nuôi sống bản thân, sống độc lập được”. Những dạng khuyết tật này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, có những nguyên nhân đặc thù là do con cái của những nạn nhân chiến tranh, nguyên nhân do tai nạn giao thông, nguyên nhân do khuyết tật bẩm sinh,... Các dạng khuyết tật đưa vào khảo sát ở trên được sử dụng theo cách phân loại của Luật người khuyết tật Việt Nam năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật trong quá trình trợ giúp NKT.

Ngoài ra, về chế độ dinh dưỡng của NKT tại Trung tâm: Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn nuôi dưỡng:

- Chế độ: 35.000đ/ngày/người. Đảm bảo 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
 - Được cấp áo đồng phục 1 năm 2 bộ.
 - Được khám chữa bệnh miễn phí khi đau ốm bình thường.
 - Bảo đảm an toàn về thân thể và nhân phẩm.
 - Có nơi ăn nghỉ được đảm bảo vệ sinh sạch sẽ.
 - Có đầy đủ các phương tiện nghe, nhìn, đi lại.
- Ngoài sự quan tâm về vật chất NKT còn nhận được sự quan tâm về tinh thần của tập thể, của các cán bộ Trung tâm và các đơn vị trường học.
 - Mở rộng phát triển quy mô địa bàn đáp ứng lượng học viên đến xin học ngày càng đông.
 - Đảm bảo nguồn hàng sản xuất có đầu ra thuận lợi, đảm bảo cuộc sống ổn định cho các học viên, trong đó có đối tượng là NKT tại Trung tâm.
 - Liên kết với cá nhân, tổ chức có tấm lòng từ thiện nhằm giúp đỡ các hướng đi mở rộng Trung tâm hơn.

- Bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên tại Trung tâm, đảm bảo theo quy định của Nhà nước về dạy và học nghề tại Trung tâm.

- Đào tạo cho các học viên khi ra trường có khả năng làm việc một cách độc lập, hòa nhập với cộng đồng xã hội.

- Đối với người khuyết tật nên đưa họ vào những cơ sở dạy nghề dành riêng cho người khuyết tật để họ được gần gũi với những người có tấm lòng tình thương nhân ái.

2.2. Kết quả thực hiện hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

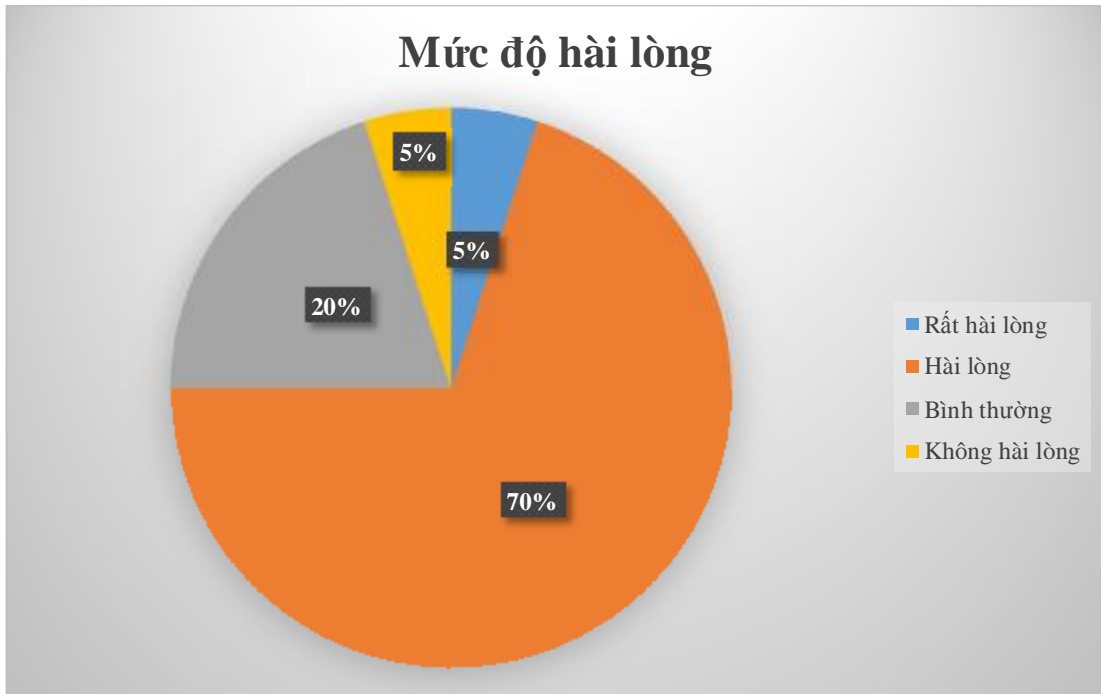
2.2.1. Hoạt động tư vấn tâm lý trước các khó khăn liên quan đến học nghề

Đặc thù của môi trường học nghề đối với NKT có nhiều sự khác biệt so với các môi trường nghề nghiệp thông thường khác. NKT là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn [10]. Chính vì vậy, NVCTXH hay đội ngũ giáo viên hướng dẫn học nghề đối với NKT cần có một tấm lòng bao dung, yêu nghề và tôn trọng NKT. Sự ân cần chỉ bảo và khéo léo trong hoạt động hỗ trợ tư vấn tâm lý, nắm bắt được tình hình, các tình huống có thể xảy ra trước những khó khăn trong công tác học nghề sẽ giúp cho NKT tự tin và bộc lộ khả năng của mình hơn, thông qua đó giúp họ trở nên hòa nhập với cộng đồng xã hội, nâng cao tinh thần học tập và rèn luyện các kĩ năng vượt lên chính mình trong cuộc sống.

NKT nói chung và NKT gặp những khó khăn liên quan đến học nghề nói riêng cũng có những nhu cầu về tâm lý, tình cảm và họ mong muốn nhận được sự hỗ trợ, hướng dẫn, tìm hiểu những thông tin liên quan để có cái nhìn đầy đủ, đúng đắn và khách quan nhất. NKT tại Trung tâm đều gặp phải những khó

khăn về học tập, sinh sống, lao động, sức khỏe, công việc,... những khó khăn này tác động đến tâm lý, hành vi gây ra những bất ổn về tâm trạng hay bất thường về hành vi khiến họ bị hạn chế trong lao động và sản xuất. Đối diện với những khó khăn như vậy, họ thường tìm đến sự giúp đỡ của các cán bộ trong trung tâm. Vì vậy, việc trợ giúp đối với các hoạt động hỗ trợ tâm lý trước những khó khăn liên quan đến hoạt động nghề cho NKT thực sự rất quan trọng và cần thiết. Những hoạt động hỗ trợ đó ở trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa: trò chuyện, tham vấn tâm lý; tổ chức các buổi chia sẻ vào các buổi tối cuối tuần để lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của NKT về những khó khăn trong hoạt động nghề. Và ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ nâng cao đời sống tinh thần cho NKT hàng tháng, sau những giờ lao động sản xuất. Những hoạt động hỗ trợ tâm lý này đã và đang hỗ trợ rất tích cực và hiệu quả dành cho NKT, bên cạnh đó những hoạt động trợ giúp này đã kết nối họ được với nhau, kết nối các nguồn lực cần thiết để cải thiện môi trường sống, môi trường làm việc của chính mình.

Hoạt động hỗ trợ tâm lý đối với NKT trước những khó khăn liên quan đến học nghề đã được Ban giám đốc, đội ngũ NVCTXH cùng các cán bộ nhân viên trong trung tâm đặc biệt quan tâm và chú trọng, tạo điều kiện tốt nhất để NKT tham gia vào hoạt động học tập, lao động sản xuất cũng như hoạt động văn hóa văn nghệ, phát huy tiềm năng và đánh thức khao khát vươn lên của NKT. Chính vì vậy, để có được sự khách quan nhất trong thu thập ý kiến của 80 đối tượng thụ hưởng, người nghiên cứu đã trưng cầu những nguyện vọng của họ thông qua phiếu hỏi được thể hiện trong biểu đồ 2.1 dưới đây nhằm có một cái nhìn khái quát nhất về mức độ hài lòng của hoạt động hỗ trợ tâm lý trước những khó khăn liên quan đến học nghề tại Trung tâm.



Biểu 2.1: Mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ tâm lý trước những khó khăn liên quan đến học nghề tại Trung tâm

Kết quả khảo sát cho thấy trong tổng số 80 đối tượng thụ hưởng được nghiên cứu thì có 5% ý kiến được khảo sát cảm thấy “*rất hài lòng*” từ hoạt động hỗ trợ tâm lý trước những khó khăn liên quan đến học nghề; tiếp đến 70% ý kiến cho rằng họ “*hài lòng*” khi nhận được sự hỗ trợ tâm lý kịp thời và hiệu quả của đội ngũ NVCTXH và cán bộ tại Trung tâm; Còn ở mức độ “*cảm thấy bình thường*” là 20%; Ở mức độ “*cảm thấy không hài lòng*” là 5%, điều này nói lên suy nghĩ của một bộ phận người thụ hưởng chưa cảm thấy chất lượng hoạt động hỗ trợ tâm lý trước những khó khăn liên quan đến học nghề tại trung tâm hiệu quả và chuyên nghiệp, một phần do các hoạt động hỗ trợ tâm lý chưa phù hợp để đáp ứng được nhu cầu của NKT ở trong trung tâm, xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

- Trung tâm còn thiếu cán bộ có chuyên môn được đào tạo đúng chuyên ngành, có kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp;

- Thiếu một quy trình hỗ trợ tâm lý hợp lý trước những khó khăn, thách thức để trợ giúp cho NKT. Theo phỏng vấn sâu chị Phạm Thị Bích Quỳnh – Giáo viên, cán bộ trung tâm *“Phần lớn khi các đối tượng gặp khó khăn về mặt tâm lý: buồn, giận hờn, tự ti thì các cán bộ trong trung tâm chủ yếu đến gặp và động viên, chia sẻ, khuyên bảo chứ chưa có những hoạt động mang tính chuyên nghiệp để tìm hiểu và đánh giá các mức độ của đối tượng”*;

- Sự hỗ trợ đối với các hoạt động tâm lý cho NKT là chưa nhiều, theo ý kiến của anh Vũ H, 28 tuổi – NKT đang học nghề tại Trung tâm cho rằng: *“tôi không được giới thiệu đến các cơ sở xã hội khác để nhận được sự hỗ trợ về tâm lý, lý do là thiếu các nguồn lực hỗ trợ, thiếu thông tin, thiếu phương tiện đi lại và thiếu cán bộ hỗ trợ”*.

Qua bảng khảo sát trên, ta thấy được mức độ hài lòng của đối tượng thụ hưởng được biểu hiện rõ ràng ở 4 mức độ khác nhau. Đó chính là hỗ trợ tâm lý thông qua việc trò chuyện, động viên và khích lệ NKT tự tin hơn vào cuộc sống hiện tại với một nghề nghiệp phù hợp tại Trung tâm. Tại trung tâm, mô hình *“tư vấn theo nhóm nghề”* được sử dụng phổ biến nhiều hơn cả, bởi đặc thù tại trung tâm mỗi ngành nghề lại lao động, sản xuất tại những phân xưởng khác nhau, có thể tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho NKT khoảng 10 đến 15 phút đầu mỗi ca làm để họ bày tỏ những mong muốn và nguyện vọng để công việc phù hợp và năng suất hơn. Tuy nhiên, đôi khi có những trường hợp đặc biệt (khuyết tật thính giác, khuyết tật thị giác) thì cán bộ chuyên môn về dạng khuyết tật đó sẽ có những buổi *“hỗ trợ tâm lý cá nhân”* trực tiếp đối với họ khi cảm thấy sự bất thường xảy ra trong họ.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn sâu cũng cho thấy rằng hoạt động hỗ trợ tâm lý trước những khó khăn liên quan đến học nghề chủ yếu ở trung tâm chỉ mới dừng lại ở mức độ thăm hỏi, chia sẻ và động viên chứ chưa có những hoạt động thực tiễn mang tính chuyên nghiệp, kỹ năng xử lý các tình huống còn

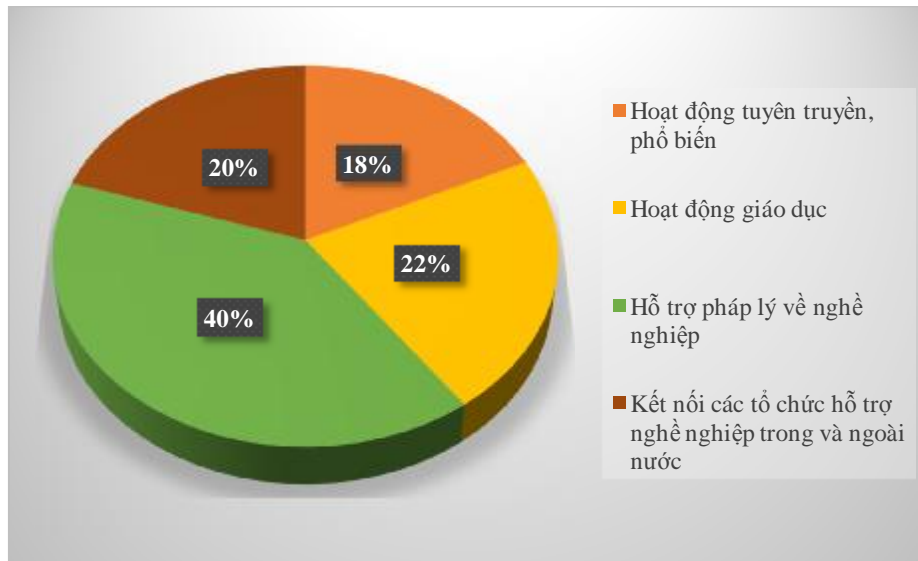
chưa triệt để, cùng với đó các kiến nghị và nguyện vọng của NKT vẫn chưa được hỗ trợ kịp thời và hiệu quả. Trong khi đó, NKT trong trung tâm lại mong muốn nhận được những hỗ trợ mang tính tích cực hơn về các hoạt động trợ giúp tâm lý mỗi khi họ gặp khó khăn. Điều này đặt ra một vấn đề cần được quan tâm đúng mức là đào tạo, tuyển dụng những cán bộ có trình độ chuyên môn về CTXH, tham vấn tâm lý cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ, kinh nghiệm làm việc, đồng thời có thể kết nối với các nguồn lực xã hội bên ngoài, các trung tâm tham vấn tâm lý phù hợp để hỗ trợ kịp thời cho NKT. Phỏng vấn sâu cán bộ trung tâm – Phạm Thị Bích Quỳnh “*Phần lớn các anh chị em trong trung tâm đều không được đào tạo căn bản về CTXH hay tham vấn, chỉ có chị và anh Bình được Ban giám đốc cử đi học các lớp tập huấn ngắn hạn về CTXH, tham vấn tâm lý, kiểm huấn viên mà thôi. Thực tế, anh chị em ở trung tâm rất mong muốn được đi tập huấn nhiều hơn để có thể giúp đỡ cho các học viên khuyết tật ở trong trung tâm*”.

2.2.2. Hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm

Hoạt động CTXH trong việc nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm tại Trung tâm hướng tới đối tượng là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm các chức năng vận động, nhận thức trí tuệ khiến cho đi lại, sinh hoạt hàng ngày và khả năng học tập và nghề nghiệp gặp nhiều khó khăn và thách thức. Chính vì vậy, hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm dành cho NKT có ý nghĩa vô cùng quan trọng không chỉ đối với họ mà còn đối với toàn xã hội về cách nhìn nhận đúng đắn và sâu sắc hơn.

Đa số người khuyết tật tham gia hoạt động học nghề, lao động sản xuất tại Trung tâm đến từ các tỉnh vùng núi cao (Hòa Bình, Yên Bái, Sơn La, ...), các vùng kinh tế còn khó khăn, nhận thức còn hạn chế.

Để thực hiện một cách có hiệu quả bất kỳ một hoạt động gì đều phải xuất phát từ những nhận thức đúng đắn nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động, trong đó có “*hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm*”. Nhận thức đúng đắn sẽ có hướng đi và hành động phù hợp. Chính vì vậy, trong cuộc khảo sát của 80 NKT tại trung tâm của biểu đồ 2.2 dưới đây sẽ khái quát những hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm:



Biểu đồ 2.2: Hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm

Trong biểu đồ trên ta thấy, các hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm đối với nhóm đối tượng tại trung tâm có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong nhận thức và đời sống xã hội của họ. “*Hoạt động hỗ trợ pháp lý về nghề nghiệp*” trong nhận thức được NKT quan tâm hơn cả, chiếm tới 40% số phiếu được khảo sát cho thấy họ đã có nhận thức đúng đắn về khuôn khổ pháp lý liên quan đến nghề nghiệp; tiếp đến “*hoạt động giáo dục*” chiếm 22% ý kiến đồng ý sẽ giúp nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm; “*hoạt động kết nối các tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước*” chiếm tỷ lệ 20%, điều này cho thấy rằng họ không chỉ muốn học nghề và làm nghề tại trung tâm mà còn mong muốn phát triển nghề bền vững với sự hỗ trợ, giúp đỡ từ những tổ chức, doanh nghiệp hay các mạnh thường quân; Và “*hoạt động tuyên*

truyền, phổ biến” chiếm 18% trong tổng số 80 người được khảo sát cho thấy hoạt động này chưa thực sự đạt hiệu quả cao đem lại nhận thức tích cực về hoạt động nghề nghiệp đối với họ.

Tại trung tâm, “*hoạt động tuyên truyền, phổ biến*” nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm được diễn ra thường xuyên vào cuối tuần nhằm đem đến niềm tin cho NKT về cuộc sống ổn định và tốt đẹp hơn. Người NVCTXH tại trung tâm tổ chức thông qua các hoạt động “sắm vai, tìm hiểu về nghề nghiệp thông qua các loại hình như: sách, báo,...” nhằm đem tới cho họ tin vào một phần của hoạt động này sẽ đem đến những cơ hội cho họ trong cuộc sống hơn bao giờ hết. “*Hoạt động giáo dục*” của các nhân viên tại trung tâm diễn ra thường xuyên trong các hoạt động nghề nghiệp giúp cho NKT có trách nhiệm và niềm tin vào công việc mình đã và đang làm trong thời gian sắp tới; hoạt động này chính là việc khích lệ, động viên NKT tham gia lao động sản xuất hăng say, tạo bầu không khí thoải mái, thân thiện khiến cho khoảng cách “*nghề nghiệp*” không còn đối với mọi người xung quanh – điều đó quyết định tới sự thành công hay không của “*nhà giáo dục*”. Chính vì vậy, những hoạt động trên là vô cùng quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm đối với NKT. Tuy nhiên, điều mà NKT trong cuộc khảo sát trên quan tâm hơn cả đó là về “*hỗ trợ pháp lý – nghề nghiệp*” và “*kết nối các tổ chức hỗ trợ nghề nghiệp trong và ngoài nước*”. Cũng dễ hiểu thôi, bởi vì tương lai sau này của NKT được *tiếp nối* bởi hai hoạt động đó, NKT mong muốn được hỗ trợ về pháp lý và nghề nghiệp sau này lập nghiệp, trong cuộc phỏng vấn sâu em Vũ Thanh H, 24 tuổi, khuyết tật vận động, quê ở huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La: “*Em học tập và làm việc tại trung tâm đến nay được 4 năm, em cảm thấy hỗ trợ pháp lý trong hoạt động nâng cao nhận thức về nghề nghiệp là quan trọng hơn cả, bởi vì em mong muốn sau này khi đã tích lũy được những kiến thức và kinh nghiệm cần thiết em sẽ mở một cửa hàng may để phụ giúp*

gia đình em ở quê”. Ngoài ra, việc kết nối với các tổ chức trong và ngoài nước hỗ trợ nghề nghiệp, thực tế tại trung tâm đã có rất nhiều những tổ chức, cá nhân nước ngoài đến thăm và mong muốn được nhận các sản phẩm (12 con giáp; tranh thủ công) của trung tâm như là một sự giúp đỡ, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến với bạn bè quốc tế, về một Việt Nam với những con người đầy nghị lực và quyết tâm.

Thông qua hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm không chỉ giúp NKT hiểu được quyền lợi và nghĩa vụ cùng với đó là trách nhiệm của mình trong xã hội mà còn giúp họ khẳng định được bản thân, vị trí trong xã hội ngày nay. Trung tâm đã tạo mọi điều kiện thuận lợi đối với NKT trong hoạt động nhận thức này. Cứ vào mỗi cuối tuần, trung tâm đều có những hoạt động tuyên truyền, phổ biến về những lợi ích mà nghề nghiệp đem lại cho họ, cùng với đó trung tâm cũng thường xuyên nhận được sự hỗ trợ pháp lý từ chính quyền địa phương, của Sở Lao động – Thương binh và xã hội hay của tổ chức hỗ trợ và giáo dục trẻ em thiệt thòi (OSEDC) Việt Nam, Ngoài ra, sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, đơn vị đảm bảo đầu ra cho sản phẩm tại Trung tâm (bộ 12 con giáp, các tranh ghép từ giấy,) hay tiếp nhận các học viên đã có kinh nghiệm tham gia lao động, sản xuất tại công ty (ngành nghề may mặc, làm mộc,). Vậy nên NKT tại trung tâm luôn có một niềm tin mãnh liệt, tin tưởng nhờ một môi trường gắn bó và phù hợp tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Trong một cuộc phỏng vấn sâu chị Phạm Thị Bích Quỳnh, cán bộ trung tâm: *“Phần lớn các học viên tại đây, họ ý thức sâu sắc về công việc của mình bởi hàng ngày các học viên đều báo cáo sản phẩm của mình làm ra, họ háng hái lắm cứ mỗi ngày lại làm ra càng nhiều sản phẩm. Bên cạnh đó, trong các cuộc tham gia về nâng cao nhận thức họ chăm phát biểu, hay hỏi những vấn đề*

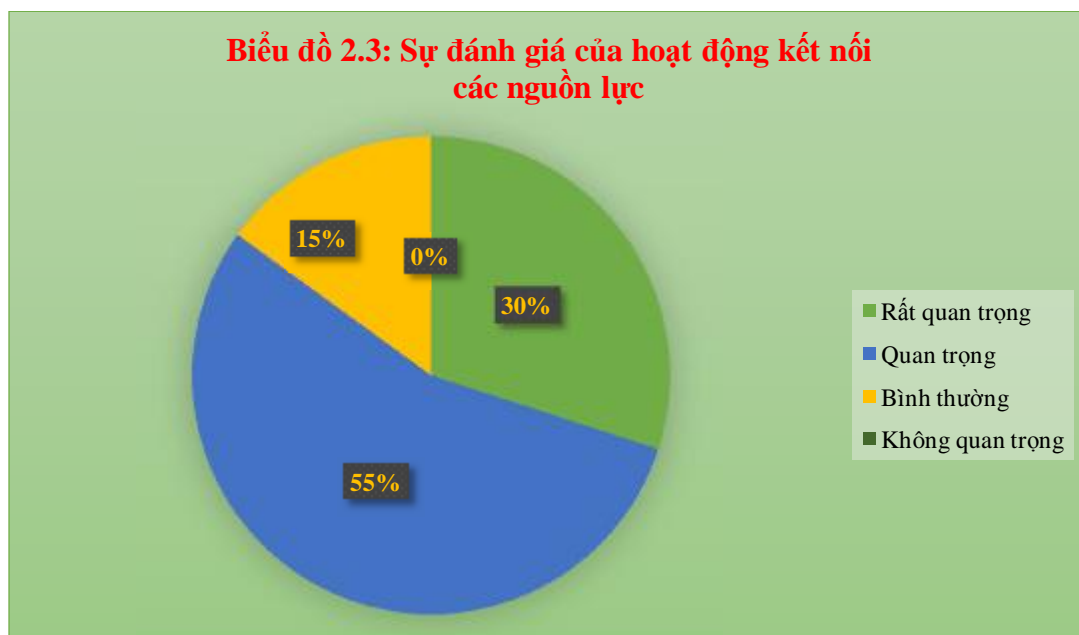
còn khúc mắc về nghề nghiệp mình đang làm, từ đó mà hoạt động nâng cao nhận thức trở thành một trong những hoạt động chủ đạo của trung tâm”.

Chính vì vậy, NVCTXH sẽ là cầu nối gắn kết giữa cộng đồng, xã hội, gia đình và đối với chính bản thân họ trong việc nâng cao nhận thức về hoạt động học nghề và việc làm, cùng với đó nhân viên CTXH sẽ là những người cùng đồng hành cùng NKT trên chặng đường đó – con đường của tương lai về một cuộc sống tốt đẹp phía trước.

2.2.3. Hoạt động kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho người khuyết tật học nghề

Hoạt động kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho NKT trong công tác học nghề tại Trung tâm có vai trò quan trọng trong thực hiện và đảm bảo chính sách nghề nghiệp đối với NKT, bao gồm những nguồn lực bên trong (nội lực) và các nguồn lực bên ngoài (ngoại lực). Nhóm đối tượng là NKT rất cần sự hỗ trợ giúp đỡ của các tổ chức, các cơ chế chính sách của Bộ ban ngành từ Trung ương đến địa phương cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của chính họ trong công tác nghề nghiệp. Chính vì vậy, NVCTXH sẽ là người kết nối các nguồn lực hỗ trợ họ, cùng với đó là khơi dậy và động viên những tiềm năng sẵn có bên trong của mỗi họ khiến cho hoạt động kết nối giữa các nguồn lực đạt được hiệu quả cao nhất góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, khả năng nghề nghiệp cho NKT tại trung tâm nói riêng và là mô hình điển hình cho nhóm đối tượng là NKT trên cả nước nói chung.

Kết quả khảo sát của 80 NKT tại trung tâm sẽ đánh giá một cách khái quát nhất về vai trò của hoạt động kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho NKT học nghề thông qua bảng 2.3 dưới đây:



Trên đây là bảng đánh giá vai trò quan trọng của hoạt động kết nối các nguồn lực cho NKT học nghề của nhóm đối tượng thụ hưởng tại trung tâm, ta thấy được có tới 44 người đánh giá hoạt động đó là “*quan trọng*” tương đương 55% ý kiến được khảo sát,; tiếp đến là 30% ý kiến được khảo sát nhận thấy rằng đó là hoạt động “*rất quan trọng*”; đánh giá hoạt động đó là “*bình thường*” chiếm tỷ lệ 15%; còn lại không có ai cho rằng hoạt động đó là “*không quan trọng*”. Điều này cho thấy rằng, NKT tại trung tâm đã và đang rất quan tâm và xây dựng một cách tích cực trong hoạt động kết nối các nguồn lực tại trung tâm bởi đó là sự kết hợp *đồng lòng* giữa nội lực (từ phía bản thân NKT) với ngoại lực (các cơ chế chính sách, các tổ chức trong và ngoài nước).

Về phía trung tâm đã và đang duy trì ổn định cuộc sống, giúp người khuyết tật (NKT) bớt đi mặc cảm, sự tự ti, đóng góp và giảm một phần gánh nặng cho gia đình và xã hội. Trung tâm đã tạo điều kiện cho 60 NKT có tay nghề xin việc ở các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hoặc về mở cửa hàng làm việc ngay tại chính gia đình của mình. Người khuyết tật (NKT) ở trung tâm có công việc phù hợp riêng cho mình, Trung tâm đã hỗ trợ giúp đỡ cho nhiều đôi

khuyết tật thành vợ thành chồng, công việc ổn định và đã có những đứa con mạnh khỏe. Mặc dù cuộc sống còn nhiều thiếu thốn, nhưng người khuyết tật ở Trung tâm Quỳnh Hoa vẫn sống vui vẻ sôi nổi và hòa đồng, họ đoàn kết giúp đỡ nhau trong công việc.

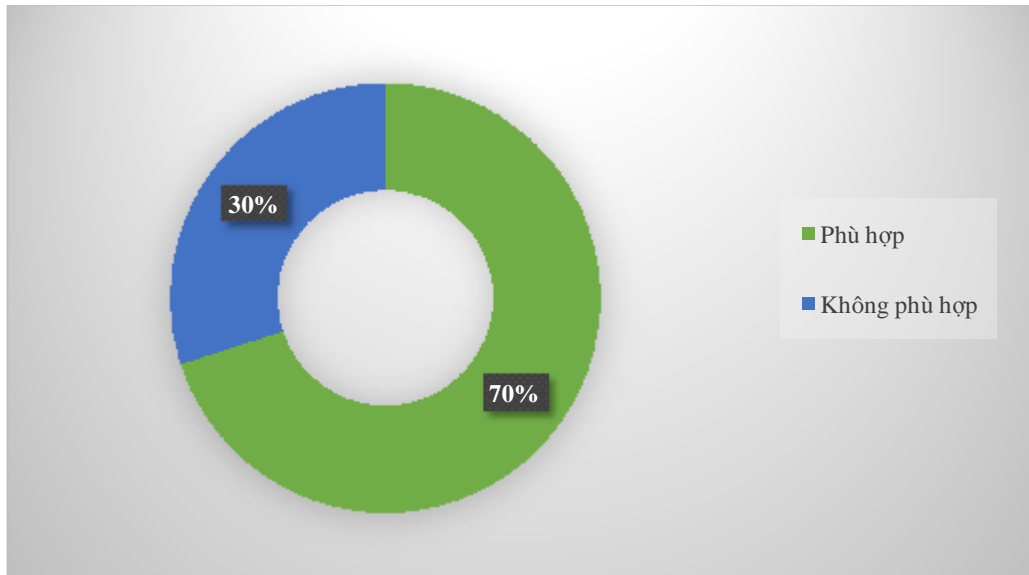
Ngoài công việc sản xuất, trong năm 2018 vừa qua, Trung tâm đã kết hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm Hà Nội và Hội người khuyết tật huyện Thanh Trì mở lớp nấu ăn cho 15 người khuyết tật đồng thời Trung tâm đã dạy cho 55 người khuyết tật khác thành thạo nghề Thủ công giấy cuốn, mọi người đã được cấp chứng chỉ sau khóa học. Ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức dạy văn hóa giúp cho 4 em từ không biết nay đã biết đọc biết viết, bồi dưỡng 8 em qua chương trình cấp II. Ngoài ra, Trung tâm còn được các bạn sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội tình nguyện đến dạy tiếng Anh trong nhiều tháng, giúp người khuyết tật (NKT) biết giao tiếp thông dụng hơn, biết được nhiều hơn một loại ngôn ngữ - tiếng mẹ đẻ.

Và trong những năm qua, Trung tâm đã được sự động viên giúp đỡ của nhiều tổ chức và các nhà hảo tâm, đó là sự đùm bọc, hỗ trợ của Tổ chức Hỗ Trợ Giáo Dục Trẻ Em Thiệt Thòi (OSEDC) Việt Nam, sự động viên tinh thần của chính quyền địa phương, sự giúp đỡ của Hội Bảo trợ Người tàn tật và Trẻ em mồ côi Thành phố Hà Nội, Tổ chức hỗ trợ nhân đạo cho Trẻ em Việt Nam, Phật tử các Chùa trong Thành phố. Hà Nội, sự tạo điều kiện để người khuyết tật (NKT) được giao lưu và giới thiệu sản phẩm của Trung tâm ở Cung văn hóa thiếu nhi Hà Nội, v.v đặc biệt là các Tình nguyện viên và Sinh viên. Qua nghiên cứu tác giả nhận thấy Trung tâm được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội cùng các tổ chức, đơn vị hỗ trợ nghề dành cho NKT quan tâm chỉ đạo kịp thời, sâu sát và sự phối hợp, giúp đỡ của các tổ chức từ thiện, các Phật tử trong và ngoài nước, Tổ chức Hỗ Trợ Giáo Dục Trẻ Em Thiệt Thòi (OSEDC) Việt Nam. Thông qua đó, các nguồn lực bên ngoài đã và đang là động lực vô cùng to lớn thúc đẩy khả năng giúp NKT thể hiện năng

lực của chính họ, không vì những khiếm khuyết của bản thân mà vươn lên trong cuộc sống với “*một đồng vốn*” sẵn có về nghề nghiệp.

2.2.4. Hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với người khuyết tật

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội hướng tới đối tượng là người khuyết tật. Thông qua việc tìm hiểu hồ sơ cá nhân, lý lịch nhân thân mà nhà nghiên cứu nhận thấy rằng đa phần các học viên ở đây đều ở vùng sâu, vùng xa, hoàn cảnh kinh tế gia đình còn gặp nhiều khó khăn, ít có cơ hội tiếp nhận với các thông tin, chính sách, đặc biệt là các mô hình nghề phù hợp đối với họ. Chính vì vậy, hoạt động liên kết họ với các mô hình nghề nghiệp phù hợp có ý nghĩa vô cùng quan trọng, thúc đẩy sự công bằng và ổn định trong xã hội.



Biểu đồ 2.4: Đánh giá của học viên về sự phù hợp của các mô hình nghề trong hoạt động liên kết

Trên đây là biểu đồ thu thập ý kiến của 80 người khuyết tật tại Trung tâm trong việc đánh giá về sự phù hợp của các mô hình nghề trong hoạt động liên kết. Trong biểu đồ trên, ta thấy được đa số các học viên tại trung tâm cảm

thấy “*sự phù hợp*” là 70% ý kiến được khảo sát cho rằng hoạt động liên kết với các mô hình nghề nghiệp đã đáp ứng được những nhu cầu, nguyện vọng và khả năng

của chính họ; tuy nhiên 30% còn lại cảm thấy “*Không phù hợp*” đối với họ nguyên nhân là do:

- Trung tâm thiếu một đội ngũ cán bộ CTXH có chuyên môn về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp để có thể hỗ trợ cho NKT; cùng với đó là khả năng liên kết và kết nối họ với các hoạt động, các tổ chức chuyên nghiệp.

- Hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với NKT tại trung tâm hiện nay chủ yếu dựa vào yếu tố khách quan, tức là áp dụng đối với tất cả các nhóm đối tượng đều như nhau, chưa có sự phân loại và chọn lọc phù hợp; chủ yếu tập trung vào hoạt động lưu trữ hồ sơ, quản lý chặt chẽ các hoạt động học tập, sinh hoạt của học viên chứ chưa có một quy trình liên kết các hoạt động một cách chuyên nghiệp từ quá trình tiếp cận đến đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và lượng giá. Để đánh giá sự thay đổi của từng cá nhân trong các hoạt động nghề nghiệp tại trung tâm;

Kết quả phỏng vấn sâu, tác giả đã có buổi trò chuyện với em Hoàng T, 20 tuổi – NKT cảm thấy “*rất phù hợp*” trong hoạt động liên kết này: “*Đối với em, việc được Trung tâm tiếp nhận và dạy học nghề đã làm một điều may mắn đối với em, ban đầu em được các anh chị nhân viên Trung tâm hỗ trợ làm nghề cuốn giấy thủ công 12 con giáp, em cảm thấy rất thích và yêu công việc đó cho tới giờ, công việc đó phù hợp với khả năng của em và em hy vọng sẽ trở thành một người có ích cho xã hội, ổn định cuộc sống sau này*”.

Ngoài ra, một cuộc phỏng vấn sâu khác cũng cho rằng: “*Em theo nghề tính đến nay cả lúc học nghề đã được 8 năm, em cảm thấy học nghề may mặc tại trung tâm rất phù hợp với khả năng của em, dự định của em là sau này sẽ mở một tiệm may nhỏ để cùng gia đình ổn định cuộc sống nữa chứ và hàng*

năm có dịp em sẽ về thăm trung tâm, sẽ tuyên truyền và giúp đỡ các mảnh đời kém may mắn như em giống như em đến với trung tâm như một cái duyên vậy”
– Em Lý Thị H, 25 tuổi – xã Chương Dương, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, như đã nêu trên những lý do mà NKT cảm thấy “chưa phù hợp” của hoạt động liên kết các mô hình nghề nghiệp, tác giả đã có cuộc phỏng vấn sâu một trong những học viên đó, anh Đặng Đình V, 26 tuổi, quê ở Phú Lý, tỉnh Hà Nam cho rằng: *“Anh đang học nghề làm mộc tại trung tâm, nhưng các hoạt động liên quan tới ngành nghề này còn chưa chuyên sâu, chỉ làm ra các sản phẩm đơn giản như hình các con vật bằng gỗ, các tấm ván đóng bàn ghế; vì vậy mô hình nghề này chưa liên kết được với các hoạt động để anh có thể nâng cao tay nghề và phát triển mô hình nghề này hơn nữa”*.

Chính vì vậy, hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với người khuyết tật có thực sự đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng, phù hợp với khả năng của họ hay không phụ thuộc rất nhiều vào các cán bộ, nhân viên CTXH tại trung tâm có triển khai và thực hiện các hoạt động đó một cách chuyên nghiệp và bài bản.

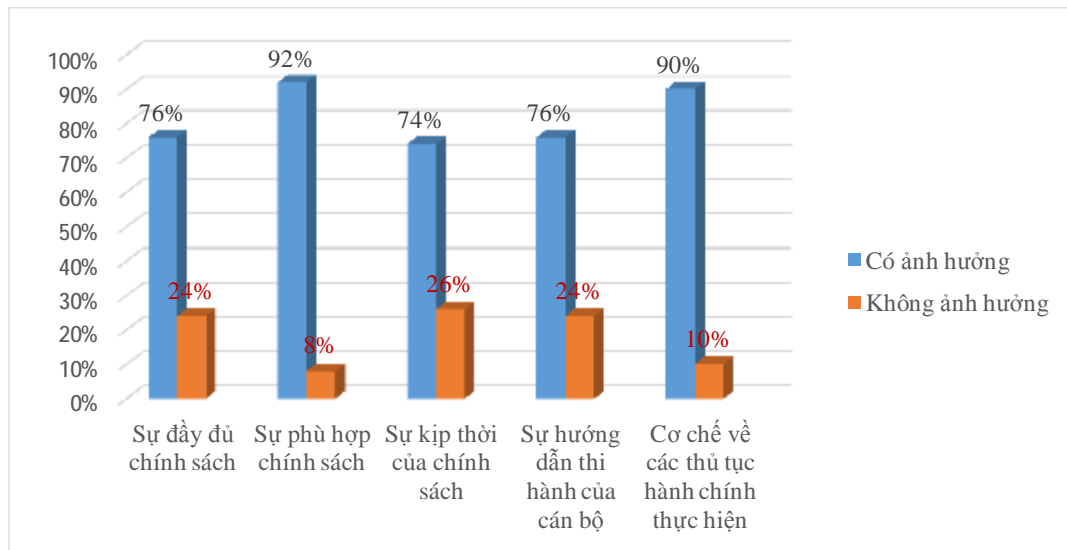
2.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

2.3.1. Cơ chế chính sách

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm hướng tới các nhóm đối tượng là người khuyết tật, người nghèo khiếm khuyết có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với những nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, trong đó có người khuyết tật thể hiện tinh thần tương thân tương ái, đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Song các cơ chế chính sách vẫn còn là rào cản ảnh hưởng tới việc thực hiện

hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm trong thời gian qua.

Việc các cơ chế chính sách còn hạn chế được thể hiện ở một số yếu tố như: Sự đầy đủ của chính sách; Sự phù hợp của chính sách; Sự kịp thời của chính sách; Sự hướng dẫn thi hành của cán bộ; hay cơ chế về các thủ tục hành chính. Chính vì vậy, để có được sự khách quan nhất trong thu thập ý kiến của NVCTXH và nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động, nhà nghiên cứu đã trưng cầu những nguyện vọng của họ thông qua phiếu hỏi được thể hiện trong biểu đồ 2.5 dưới đây nhằm có một cái nhìn khái quát nhất về cơ chế chính sách trong việc thực hiện hoạt động tại Trung tâm.



Biểu đồ 2.5: Sự ảnh hưởng của cơ chế chính sách đến việc thực hiện hoạt động học nghề tại Trung tâm

Trong biểu đồ 2.5, ta thấy đa số các ý kiến khảo sát đều cho rằng cơ chế chính sách có ảnh hưởng đến việc thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với khuyết tật tại Trung tâm. Trong đó, yếu tố về “*sự phù hợp của chính sách*” được các ý kiến cho rằng là có ảnh hưởng nhất với tỉ lệ là 92%; tiếp đến là các “*cơ chế về thủ tục hành chính thực hiện*” đạt tỉ lệ là 90%; tiếp

theo là “*sự đầy đủ của chính sách và sự hướng dẫn thi hành của cán bộ*” có ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách với tỉ lệ 76% ý kiến khảo sát; “*Sự kịp thời của chính sách*” là 74% ý kiến được khảo sát.

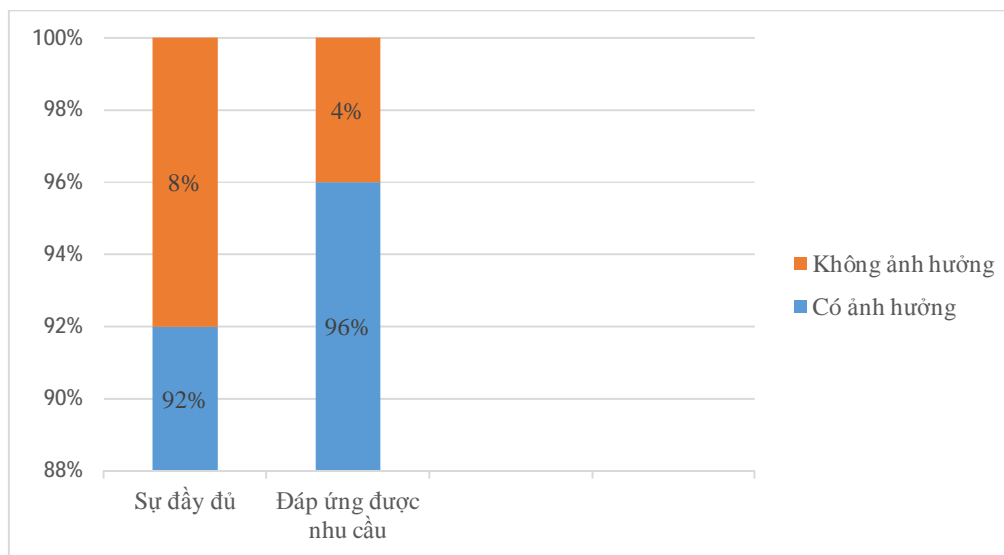
Kết quả khảo sát ý kiến cho thấy rằng, sự ảnh hưởng của các cơ chế chính sách phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Chính sách có phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của đối tượng thụ hưởng – người khuyết tật sẽ giúp chính sách giúp đỡ họ và họ cũng tiếp cận với chính sách tốt hơn. Còn chính sách có kịp thời hay không thì còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau: nguồn kinh phí, sự trợ cấp, hay sự nhạy bén của các nhà hoạch định chính sách.

2.3.2. Cơ sở vật chất

Đất nước ta đang trong thời kì quá độ lên xã hội chủ nghĩa. Cùng với đó là các cơ hội khi hội nhập với nền kinh tế thế giới. Mặc dù Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm tới các chính sách trong hoạt động CTXH dành cho các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, trong đó có nhóm đối tượng người khuyết tật song vẫn còn nhiều thách thức trong việc đảm bảo một nền An sinh xã hội phát triển bền vững và ổn định.

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm sẽ phát huy đúng vai trò nếu như cơ sở vật chất được đảm bảo. Hiện nay, người khuyết tật ở nước ta nói chung và đối tượng người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội nói riêng đang rất khó khăn trong việc tiếp cận cơ sở vật chất để đảm bảo quá trình học nghề, lập nghề và hòa nhập cộng đồng một cách tốt nhất. Về cơ bản người khuyết tật tại Trung tâm đang phải đối mặt với sự thiếu hụt của cơ sở vật chất trong hoạt động học nghề, lành nghề và vững tay nghề tại Trung tâm. Chính vì vậy, việc khảo sát ý kiến của 80 người khuyết tật với các dạng tật và hoạt động nghề nghiệp khác nhau tại Trung tâm được thể hiện trong biểu đồ 2.6 dưới đây nhằm đánh giá yếu tố về cơ sở vật chất ảnh hưởng như thế nào trong quá trình thực

hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm.



Biểu đồ 2.6: Sự ảnh hưởng của cơ sở vật chất đến việc thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề tại Trung tâm

Trong biểu đồ 2.6 ta thấy, sự đầy đủ của cơ sở vật chất có ảnh hưởng quan trọng tới việc thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm với tỉ lệ là 92%, số còn lại ý kiến cho rằng không ảnh hưởng tới việc thực hiện hoạt động đó chỉ là 8%. Ngoài ra, yếu tố đáp ứng được nhu cầu của nhóm những đối tượng được thụ hưởng có ảnh hưởng đến việc thực hiện hoạt động lên tới 96%, chỉ có 4% ý kiến được hỏi cho rằng không ảnh hưởng tới việc thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm.

Thông qua phiếu hỏi và kết quả đã thu thập được, đa số các ý kiến đều cho rằng các yếu tố có liên quan tới cơ sở vật chất đều có sự ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm.

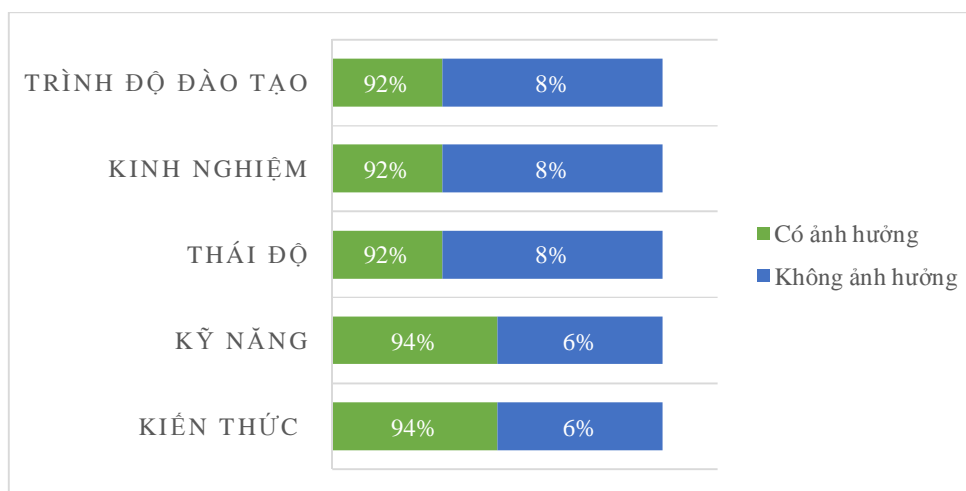
Chính vì vậy trong tầm nhìn chiến lược phát triển mới, Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội cần tranh thủ sự

quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự giúp đỡ của các tổ chức trong và ngoài nước, của các nhà hảo tâm nhằm mở rộng quy mô, hiện đại hóa cơ sở vật chất, tiếp nhận các kĩ thuật – khoa học tiên tiến trên thế giới – xứng đáng là cơ sở tin cậy, uy tín và trọn niềm tin của những số phận, mảnh đời thiệt thòi trong xã hội, giúp cho những con người ấy tự tin vào một cuộc sống tươi đẹp hơn phía trước.

2.3.3. Đội ngũ công tác xã hội viên trong thực hiện hoạt động nghề tại Trung tâm

Trong những năm qua, Trung tâm và đội ngũ cán bộ NVCTXH thực hiện hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm đã chủ động liên hệ với các Bộ, ban ngành, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh thành phố, các Hội bảo trợ trẻ em khuyết tật tại các địa phương và Tổ chức Hỗ trợ - Giáo dục trẻ em thiệt thòi (OSED) Việt Nam cùng các nhà hảo tâm, các mạnh thường quân. Chính vì vậy, việc rà soát các đối tượng là người khuyết tật có nhu cầu và nguyện vọng học nghề và làm nghề trên địa bàn các địa phương là vô cùng quan trọng nhằm giúp họ có cuộc sống tốt hơn, hoạt động CTXH này tại Trung tâm đã và đang được triển khai và ngày càng được nhân rộng hơn về mô hình hỗ trợ trong việc hòa nhập cộng đồng.

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm sẽ đạt được kết quả cao bởi đội ngũ cán bộ CTXH khi thực hiện hoạt động này tại Trung tâm. Chính vì vậy, trong cuộc khảo sát bảng hỏi của 50 cán bộ CTXH và các sinh viên đang theo ngành học thực hiện hoạt động tại biểu đồ 2.7 dưới đây sẽ khái quát nhất về các yếu tố của đội ngũ cán bộ ảnh hưởng đến việc thực hiện hoạt động:



Biểu đồ 2.7: Sự ảnh hưởng của đội ngũ cán bộ NVCTXH đến việc thực hiện hoạt động tại Trung tâm

Trong biểu đồ 2.7 trên cho ta thấy được những yếu tố của đội ngũ cán bộ NVCTXH và sinh viên đang theo ngành học ảnh hưởng đến việc thực hiện hoạt động bao gồm: Kiến thức; Kỹ năng; Thái độ; Kinh nghiệm và Trình độ đào tạo. Đa số các ý kiến đều cho rằng các yếu tố đều có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm. Trong đó, yếu tố kỹ năng và kiến thức được các ý kiến cho rằng là có ảnh hưởng nhất với tỉ lệ là 94%, còn 6% lại cho rằng không có sự ảnh hưởng. Còn những yếu tố như: thái độ, kinh nghiệm và trình độ đào tạo đều có ảnh hưởng là 92%, không ảnh hưởng chỉ là 8% trong tổng số ý kiến được hỏi.

Trong buổi phỏng vấn sâu chị Phạm Thị Bích Quỳnh, cán bộ trung tâm: *“Phần lớn các nhân viên được đào tạo và tập huấn về CTXH nói chung và CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại trung tâm đều được đáp ứng những yếu tố về trình độ đào tạo, kinh nghiệm, thái độ, kiến thức và kỹ năng nghề, chính vì vậy mà NVCTXH tại trung tâm là một trong những yếu tố quan*

trọng thúc đẩy việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp chuyên nghiệp dành cho NKT tại Trung tâm giúp cho NKT vững tin hơn vào nghề nghiệp hiện tại mà họ đã và đang lựa chọn cho tương lai”.

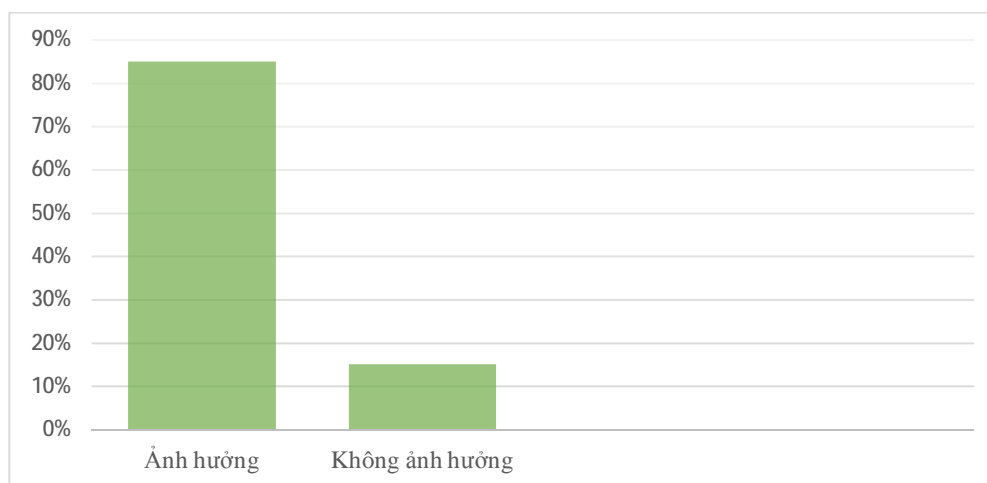
Vận dụng những yếu tố trên mà bản thân trong mỗi cán bộ NVCTXH khi thực hiện hoạt động hỗ trợ học nghề đối với nhóm đối tượng là người khuyết tật sẽ nâng cao chất lượng trong hoạt động CTXH tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội nói riêng và người khuyết tật trên cả nước nói chung.

Cán bộ CTXH khi thực hiện hoạt động tại Trung tâm cũng sẽ tranh thủ vận động sự giúp đỡ, hỗ trợ từ các tổ chức, các cá nhân từ thiện hay tổ chức Hỗ trợ - Giáo dục trẻ em thiệt thòi (OSEDC) Việt Nam, của chính quyền địa phương nhằm hỗ trợ người khuyết tật trong độ tuổi lao động có một công việc và môi trường làm việc phù hợp.

Ngoài ra, đối với những người khuyết tật nặng, việc hỗ trợ các dụng cụ trong hỗ trợ cho họ trong công việc, sản xuất cũng sẽ giúp NKT ổn định hơn, góp phần nâng cao chất lượng trong cuộc sống hàng ngày, đảm bảo một nền An sinh xã hội bền vững.

2.3.4. Người khuyết tật

Mỗi cá nhân là một thực thể trong xã hội, phản ánh thực tiễn của hiện thực đời sống. Chính vì vậy, có thể nói rằng NKT là một trong những yếu tố tác động chính tới hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề để góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp hơn. Chính vì vậy, hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT thực sự có hiệu quả khi nhận được sự phối hợp, nhận thức cao từ phía chính đối tượng thụ hưởng – NKT. Dưới đây là bảng khảo sát ý kiến của 80 người khuyết tật (NKT) tại trung tâm về sự ảnh hưởng của họ khi thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề tại trung tâm tại biểu đồ 2.8:



Biểu đồ 2.8: Sự ảnh hưởng của NKT tới hoạt động hỗ trợ học nghề tại Trung tâm

Trong biểu đồ 2.8 trên, nhà nghiên cứu nhận thấy rằng 85% tương đương 68 ý kiến đã lựa chọn họ có “ảnh hưởng” tới hoạt động; 15% còn lại nghĩ rằng họ “không ảnh hưởng” tới hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề tại Trung tâm. Bởi hoạt động hỗ trợ nghề đó hướng tới đối tượng là NKT vì vậy họ sẽ chính là người quyết định sự thành công hay thất bại đó đến với họ, đem đến cho họ những gì trong cuộc sống phía trước.

Phỏng vấn sâu chị Lư V, 27 tuổi: *“Theo chị, NKT chính là yếu tố quan trọng nhất, quyết định tới những hoạt động trong việc hỗ trợ học nghề bởi chỉ có những người như vậy họ mới biết mình cần gì, làm gì và mong muốn hướng tới điều gì nhất, về nghề nghiệp tương lai của chính mình”*.

Còn theo anh Đỗ L, 30 tuổi: *“Anh nghĩ rằng chính họ - NKT là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong việc quyết định tới những hoạt động hỗ trợ học nghề bởi những đặc điểm khuyết tật khác nhau mà họ sẽ tìm ra những phương cách tốt nhất đối với nghề nghiệp của chính họ”*.

Từ thực tiễn đời sống NKT và hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa cho thấy sự cần thiết

của hoạt động trong trợ giúp nhóm người yếu thế trong xã hội, đặc biệt là NKT. Có thể nói rằng, hoạt động đó đối với NKT tại trung tâm được triển khai và chú trọng vào nhu cầu, mong muốn, phụ thuộc vào NKT nhằm nâng cao chất lượng của nghề nghiệp và đời sống của NKT cả về vật chất lẫn tinh thần.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT từ thực tiễn tại trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội không chỉ dành riêng cho nhóm đối tượng là người khuyết tật sở tại mà còn là *mái ấm* luôn sẵn sàng chờ che những mảnh đời kém may mắn trong xã hội – thể hiện đạo lý “Lá lành đùm lá rách” của dân tộc ta từ bao đời nay trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Trong những năm qua, hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề dành cho các nhóm đối tượng khuyết tật với nhiều độ tuổi tại Trung tâm đã đạt được những kết quả tích cực. Nhìn chung, hoạt động đó đã đem đến sự đổi thay trong cuộc sống đối với các nhóm đối tượng là người khuyết tật giúp họ hòa nhập với cộng đồng, vươn lên phát triển xã hội. Hoạt động CTXH tại Trung tâm không chỉ trợ giúp trong quá trình học nghề và hướng nghiệp mà còn hỗ trợ cho họ “*vững tay nghề*” khi lập nghiệp, đảm bảo cuộc sống ổn định. Chính vì vậy, hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề dành cho các nhóm đối tượng là người khuyết tật tại Trung tâm đã và đang phát huy được vai trò là một trong những hoạt động ưu tiên, là địa chỉ tin cậy dành cho các nhóm đối tượng khuyết tật tại Trung tâm nói riêng và các nhóm đối tượng là người khuyết tật trên cả nước nói chung trong công tác nghề nghiệp tương lai, góp phần thúc đẩy sự công bằng và một nền An sinh bền vững của xã hội.

Tuy vậy, hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật vẫn còn bộc lộ những tồn tại và hạn chế. Chính vì vậy hoạt động đó rất cần sự quan tâm, đóng góp và sự chung tay của toàn xã hội nhằm hoàn thiện và

nâng cao chất lượng của hoạt động được tiếp cận và đến với họ gần hơn cùng nhiều dạng tật khác nhau trong công tác nghề nghiệp.

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật thực sự phát huy được vai trò là một trong những hoạt động tiên phong và thiết thực tại Trung tâm. Cũng chính vì lẽ đó mà hoạt động CTXH đã và đang nhận được sự giúp đỡ của các tổ chức trong và ngoài nước, của các nhà hảo tâm và cùng với đó là những đóng góp ý kiến của những cán bộ, những nhân viên CTXH khi thực hiện hoạt động nhằm bảo đảm nhu cầu thiết thực, những mong muốn và nguyện vọng của người khuyết tật đối với hoạt động CTXH trong hỗ trợ họ học nghề tại Trung tâm.

CHƯƠNG 3

ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT TỪ THỰC TIỄN TRUNG TÂM DẠY NGHỀ TỪ THIỆN QUỲNH HOA, HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Cơ sở đề xuất biện pháp nâng cao hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật từ thực tiễn tại trung tâm

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật thực hiện nhiệm vụ và chức năng của An sinh xã hội đối với người khuyết tật. Hoạt động CTXH đó hướng tới đối tượng là người khuyết tật nhằm giúp các học viên tại trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa nói riêng và đối với người khuyết tật trên cả nước nói chung cải thiện và nâng cao chất lượng của cuộc sống, hòa nhập với cộng đồng. Chính vì vậy, cơ sở hình thành các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật đó là đối tượng thụ hưởng (NKT) và các cán bộ, đội ngũ NVCTXH tại trung tâm khi thực hiện hoạt động này.

Trước hết, đối tượng thụ hưởng – người khuyết tật, học viên chính là cơ sở đầu tiên và quan trọng nhất nhằm đề xuất các biện pháp nâng cao hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Người khuyết tật mong muốn được hỗ trợ trong quá trình học nghề và lập nghiệp cho tương lai bởi sự nhân văn của hoạt động này, sự giúp đỡ của các Tổ chức trong và ngoài nước, các cơ quan đoàn thể, các nhà hảo tâm đã giúp họ tự tin hòa nhập với cộng đồng,

vươn lên trong xã hội ngày nay. Người khuyết tật thường tự ti về bản thân và ngoại hình của mình, do sự khiếm khuyết một hoặc một phần cơ thể, ngại giao tiếp. Bởi vậy NKT có quyền được nói lên tâm tư – nguyện vọng của chính mình.

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm có thực sự phát huy đúng vai trò trong chính sách An sinh xã hội của đất nước sẽ phải đáp ứng đầy đủ các nhu cầu, tâm tư và nguyện vọng của các học viên. Mỗi cá nhân người khuyết tật lại có những đặc điểm và nhu cầu khác nhau. Trong cuộc phỏng vấn sâu với em H, quê ở Nam Định, khuyết tật vận động với mong muốn: *“cần có sự hỗ trợ kịp thời và tích cực trong các hoạt động nghề nghiệp của chúng em khi lập nghiệp sau này”*. Còn theo ý kiến của gia đình chú T, phụ huynh em M, bị khuyết tật thị giác: *“Nên tuyên truyền rộng rãi và phổ biến hoạt động hỗ trợ nghề nghiệp này, về ý nghĩa của hoạt động đem lại trong cuộc sống đối với các em”*.

Trong quá trình thu thập thông tin tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa - huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, tác giả đã có cơ hội được trò chuyện, động viên và khích lệ các học viên trong quá trình học nghề và làm việc tại Trung tâm. Mặc dù sự khó khăn, mặc cảm và tự ti về bản thân song các học viên đã thẳng thắn chia sẻ những khó khăn, vướng mắc khi tiếp cận các hoạt động trong quá trình hỗ trợ học nghề tại Trung tâm. Chính vì vậy, chỉ có những người trong cuộc mới biết rõ những vấn đề bản thân gặp phải. Và đó cũng chính là cơ sở quan trọng nhất nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm.

Các cán bộ trực tiếp thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề dành cho nhóm đối tượng là NKT tại Trung tâm – cơ sở tác yếu trong quá trình thực hiện hoạt động này. Cán bộ thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề cho NKT tại Trung tâm giúp kết nối chính sách xã hội, các nguồn lực đối

với NKT. Chính những cán bộ trực tiếp thực hiện hoạt động này sẽ đánh giá được hiệu quả của hoạt động đem lại trong cuộc sống của người khuyết tật, cảm nhận và đồng cảm những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm. Từ đó, những cán bộ thực hiện hoạt động sẽ đề xuất những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động trong công tác hỗ trợ nghề nghiệp đối với nhóm người khuyết tật bảo đảm nền một An sinh xã hội bền vững và lâu dài.

3.2. Đề xuất biện pháp

3.2.1. Nâng cao chính sách hỗ trợ học nghề cho người khuyết tật

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa có ý nghĩa vô cùng quan trọng không chỉ với nhóm đối tượng là NKT tại trung tâm nói riêng mà còn là cơ hội để NKT trên cả nước đến với trung tâm nhiều hơn, có cơ hội thực sự phát triển nghề nghiệp tại trung tâm. Chính vì vậy, để việc thực hiện hoạt động Công tác xã hội thực sự hiệu quả trong hỗ trợ học nghề đối với NKT rất cần sự chung tay góp sức của toàn xã hội, của cả hệ thống cơ chế chính sách, ... và một trong những biện pháp đầu tiên và là mục tiêu quan trọng đó chính là nâng cao chất lượng chính sách trong hỗ trợ học nghề cho NKT.

Chính vì vậy, từ thực tiễn hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa – huyện Thanh Trì – Thành phố Hà Nội, tác giả xin nêu ra những biện pháp nhằm nâng cao chính sách hỗ trợ học nghề cho NKT:

- Cần hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về học nghề, tạo cơ hội việc làm cho NKT với một môi trường phù hợp và thân thiện; cùng với đó là việc rà soát và thu thập những ý kiến đóng góp của những bên có liên quan tới vấn đề “hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật” để tìm ra những điểm chưa phù hợp, bất hợp lý và chưa

đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng từ phía đối tượng thụ hưởng để chỉnh lý và bổ sung kịp thời.

- Cần xây dựng những quy định hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm nhằm đáp ứng, hỗ trợ phù hợp nhu cầu tâm sinh lý theo từng đặc điểm, dạng tật của nhóm đối tượng.

- Tạo cơ chế, chính sách hỗ trợ kịp thời và linh hoạt trong hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT có hoàn cảnh đặc biệt.

- Luôn quan tâm việc xây dựng, điều chỉnh, đổi mới, bổ sung các chương trình giảng dạy, hoạt động hỗ trợ học nghề đối với học viên phù hợp tình hình, nhu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, cập nhật thị trường lao động trong và ngoài nước.

- Cần chuyên nghiệp hóa hoạt động cung cấp dịch vụ CTXH nói chung và hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT nói riêng. Các dịch vụ CTXH cung cấp cho NKT cần phối hợp đa ngành, đa lĩnh vực, đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ hướng tới NKT có việc làm trong các tổ chức, doanh nghiệp và duy trì phát triển việc làm bền vững, ổn định đời sống xã hội.

- Cùng với đó là tăng cường cơ chế phối kết hợp giữa các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội dành cho NKT với các bộ, ban, ngành có liên quan và cộng đồng xã hội để hỗ trợ trong công tác học nghề và đảm bảo các quyền của NKT.

- Ngoài ra, việc nâng cao chính sách lồng ghép cùng các hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với NKT cũng là một yếu tố quyết định nhằm hài hòa và xây dựng cơ sở hệ thống cơ chế chính sách ngày một đa dạng và đồng bộ hơn.

Trong bối cảnh hiện nay một trong những yêu cầu cấp thiết là cần thay đổi vị thế, suy nghĩ và hành vi của người khuyết tật từ “an phận” sang “vượt

lên” thông qua các cuộc vận động thay đổi chính sách và cơ chế quản trị, điều hành theo hướng dân chủ và hội nhập ở các cấp thì mới có thể đảm bảo được quyền và lợi ích của NKT cũng như các nhóm thiệt thòi nói chung một cách bền vững.

3.2.2. Nâng cao nhận thức của người khuyết tật đối với học nghề và việc làm

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội hướng tới sự phát triển nghề nghiệp và việc làm đối với nhóm đối tượng là người khuyết tật, giúp họ thêm tự tin hòa nhập với cộng đồng. Chính vì vậy, biện pháp nâng cao nhận thức của NKT đối với học nghề và việc làm là điều vô cùng quan trọng.

Trước hết, cần khuyến khích và tạo niềm tin cho NKT, giúp họ không còn sự mặc cảm, tự ti để nỗ lực phấn đấu trong quá trình học nghề và có được cơ hội việc làm phù hợp. Và có như vậy, NKT mới thêm vững tin trong quá trình học nghề với sự hỗ trợ của những nhà chuyên môn, những nhân viên xã hội chuyên nghiệp để có cuộc sống ổn định, có thu nhập trong xã hội.

Ngoài ra, trung tâm sẽ là nơi tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức của NKT đối với hoạt động nghề nghiệp phù hợp thông qua các buổi tọa đàm, chia sẻ và giáo dục nghề nghiệp. Qua đó mà NKT định hướng được mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai của mình, về những công việc phù hợp với năng lực và đặc điểm của chính họ. Vì vậy mà họ mới có thể năng động sáng tạo, tích cực và đột phá trong hoạt động nghề nghiệp vì một tương lai tươi sáng hơn.

Việc khuyến khích và đồng hành cùng người khuyết tật trong hỗ trợ học nghề cũng là một trong những yếu tố tác động tới nhận thức đúng đắn, sâu sắc

để suy nghĩ, hành vi của họ tích cực hơn trong nghề nghiệp hướng tới một tương lai tốt hơn, tự tin và hòa đồng cùng với xã hội.

Để hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của NKT đối với học nghề và việc làm được triển khai có hiệu quả cần đầu tư xây dựng một bộ “*tài liệu hướng dẫn truyền thông về công tác xã hội trong hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật*” được sử dụng tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa nói riêng và là mô hình điểu cho các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội và cộng đồng xã hội trên cả nước nói chung. Bộ tài liệu cần có sự thống nhất chặt chẽ từ nội dung đến phương thức thực hiện nhằm phù hợp với tính chất của từng hoạt động đối với từng dạng khuyết tật, có nghĩa là học thông qua trải nghiệm thực tế, thông qua hoạt động phù hợp. Từ đó, định kỳ hàng tháng, Ban lãnh đạo cùng các cán bộ NVCTXH tại trung tâm được tập huấn về cách sử dụng bộ tài liệu này và cách lồng ghép, truyền thông các nội dung thông qua các hoạt động như thế nào cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, của từng dạng tật.

Các hoạt động truyền thông cần được tổ chức dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú để thu hút sự tham gia, phát biểu của nhóm đối tượng thụ hưởng hoạt động này tại Trung tâm. Bên cạnh hình thức truyền thông trực tiếp, có thể kết hợp thêm các hình thức truyền thông gián tiếp, truyền thông đại chúng thông qua mạng internet, báo đài, tivi, các chuyên trang, chuyên mục, diễn đàn, ... để nhân rộng mô hình nâng cao nhận thức NKT đối với học nghề và việc làm tại Trung tâm tới các cơ sở, trung tâm xã hội đã và đang thực hiện sứ mệnh đem đến sự công bằng, hội nhập và đảm bảo nền An sinh xã hội của đất nước ngày càng phát triển bền vững hơn.

Ngoài ra, biện pháp nâng cao nhận thức NKT đối với học nghề và việc làm cần tổ chức các cuộc thi tìm hiểu kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp. Từ đó

đem đến sự lạc quan, tin tưởng đối với NKT, đem lại thu nhập và cuộc sống ổn định đối với họ. Chính vì vậy biện pháp này là một trong những hình thức giáo dục, đánh giá, kiểm tra nhận thức tốt đối với NKT trong hoạt động nghề nghiệp của chính họ trong đời sống hàng ngày.

3.2.3. Tuyên truyền và nâng cao chất lượng học nghề và việc làm cho người khuyết tật

Tuyên truyền và nâng cao chất lượng học nghề và việc làm cho NKT là biện pháp tối ưu nhằm thu hút sự tham gia đông đảo và tích cực của NKT trong hoạt động nghề nghiệp, đảm bảo chất lượng cuộc sống ngày càng ổn định, phong phú và đa dạng hơn. NKT – nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội rất cần sự hỗ trợ kịp thời từ cộng đồng xã hội thông qua các hoạt động thực tiễn với sự tham gia của các nhà CTXH có chuyên môn, kỹ năng chuyên nghiệp cùng các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước chung tay góp sức nâng cao biện pháp này trở nên ý nghĩa hơn bao giờ hết đối với NKT trong hoạt động nghề nghiệp.

Trước hết, cần xây dựng kế hoạch truyền thông để nâng cao nhận thức về vấn đề học nghề và việc làm cho NKT được thực hiện hiệu quả hơn thông qua các hoạt động thảo luận, tuyên truyền, phổ biến và hệ thống các phương tiện truyền thông khác (báo giấy, báo mạng,). Cùng với đó biện pháp này cũng giúp cho gia đình của NKT có cái nhìn khách quan và đúng đắn hơn về những vấn đề mà NKT đang gặp phải, trong đó có vấn đề về việc làm. Qua đó, việc tuyên truyền trực tiếp đối với nhóm đối tượng thụ hưởng – NKT và gia đình NKT giúp cho hoạt động này được phổ biến với sự tham gia tích cực của các bên liên quan.

Hoạt động truyền thông, tuyên truyền nâng cao chất lượng học nghề và việc làm đối với người khuyết tật nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng giải quyết vấn đề cho cá nhân, gia đình người khuyết tật, giúp người khuyết tật có cơ hội tiếp cận các cơ hội về việc làm, cải thiện tình hình kinh tế, hỗ trợ tâm lý, ...

hướng tới giải quyết vấn đề việc làm cho bản thân NKT, phát huy được những năng lực tiềm ẩn, vượt qua khó khăn vươn lên tự lập trong cuộc sống, hòa nhập với cộng đồng xã hội.

Ngoài ra, việc tham gia các chương trình hội thảo, các buổi tọa đàm trong lĩnh vực việc làm đối với NKT sẽ giúp nâng cao kiến thức nghiệp vụ, công tác chuyên môn góp phần thay đổi diện mạo của hoạt động CTXH trong việc nâng cao chất lượng học nghề và việc làm từ chính những đối tượng thụ hưởng – người khuyết tật cũng như cách nhìn nhận đúng đắn, tính nhân văn sâu sắc của gia đình họ về hoạt động tại Trung tâm.

Thông qua biện pháp này, mà những nhà chuyên môn, những NVCTXH sẽ định hướng nghề nghiệp tốt hơn cho NKT. Định hướng nghề nghiệp là cách giải quyết các rào cản ở khâu đầu tiên của quá trình tiếp cận thị trường lao động hiện nay. Việc đào tạo vẫn dựa trên nhu cầu người học là chủ yếu. Tuy nhiên, không phải người khuyết tật nào cũng xác định rõ mục tiêu học tập. Vì vậy, tại Trung tâm nói riêng hay tại các cơ sở dạy nghề trên cả nước nói chung nên chú trọng hơn nữa khâu tư vấn, định hướng học nghề cho học viên dựa trên tình trạng sức khỏe, dạng tật và nhu cầu lao động của thị trường hiện nay. Đặc biệt đối với nhóm học viên mới bước vào độ tuổi lao động, các em còn thiếu kinh nghiệm và các kiến thức xã hội, họ thường dễ nảy sinh tâm lý bi quan nếu sau khi học nghề không tìm được việc làm có thu nhập ổn định. Vì vậy ngay từ đầu nên chú trọng dạy nghề dựa trên khả năng người học, dựa trên dạng khuyết tật và nhu cầu của thị trường lao động hiện nay. Từ đó mà chất lượng nghề nghiệp đối với NKT ngày càng được nâng cao và phát triển hơn.

Cùng với đó, việc tích cực tham gia trao đổi và bàn thảo với cán bộ, nhân viên CTXH trong ngành của các cơ sở xã hội, trung tâm bảo trợ khác nhau (Trung tâm sống độc lập, Trung tâm Hà Cầu,) hay các Tổ chức nước ngoài (OSED,) cũng sẽ là lợi thế giúp nâng cao hoạt động tuyên truyền

cùng với việc nâng cao chất lượng của học nghề và việc làm đối với NKT tại Trung tâm.

Mặt khác, theo đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 – 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu hỗ trợ người khuyết tật phát huy khả năng của mình để đáp ứng nhu cầu bản thân; tạo điều kiện để người khuyết tật vươn lên tham gia bình đẳng vào các hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng và xã hội, trong đó một trong những nhiệm vụ trọng tâm là phát triển, hỗ trợ đào tạo nghề và việc làm đối với người khuyết tật.

3.2.4. Phổ biến sự bình đẳng về vấn đề học nghề và việc làm đối với người khuyết tật cho toàn xã hội

Ngày 13/12/2006, LHQ đã thông qua Công ước của LHQ về quyền của NKT năm 2006. *“Mục đích của Công ước này là thúc đẩy, bảo hộ và đảm bảo NKT được hưởng thụ một cách đầy đủ và bình đẳng quyền con người và các quyền tự do cơ bản và nâng cao sự tôn trọng nhân phẩm vốn có của NKT”* [6]. Công ước này đã có những quy định rõ ràng và mang ý nghĩa quan trọng. Nó là một thỏa thuận giữa các quốc gia về việc đảm bảo sự NKT và người không có khuyết tật được đối xử bình đẳng.

Điều 3 của Công ước quy định các nguyên tắc bao gồm: Tôn trọng phẩm giá vốn có, quyền tự quyết cá nhân bao gồm tự do lựa chọn cho riêng mình, và khả năng độc lập của các cá nhân; Không phân biệt đối xử; Tham gia đầy đủ và hiệu quả và hoà nhập xã hội; Tôn trọng sự khác biệt và chấp nhận NKT như một phần của nhân loại và sự đa dạng của con người, Bình đẳng trong cơ hội; Khả năng tiếp cận; Bình đẳng giữa nam và nữ; Tôn trọng khả năng phát triển của trẻ em khuyết tật và tôn trọng quyền của trẻ em khuyết tật trong việc bảo tồn bản sắc của các em.

Công ước về Quyền của NKT (2006) là một sự thoả thuận giữa các quốc gia trên thế giới về việc bảo đảm người có khuyết tật và không có khuyết tật được đối xử bình đẳng.

Học nghề gắn với giải quyết việc làm và thu nhập không chỉ là vấn đề kinh tế đơn thuần mà còn có tác động tích cực đến sự tự chủ trong cuộc sống, giúp người khuyết tật xóa bỏ mặc cảm, khẳng định năng lực, giá trị của mình đối với gia đình, xã hội và tôn trọng sự bình đẳng trong xã hội ngày nay. Trong nhiều năm qua, học nghề và giải quyết việc làm cho NKT là một công tác được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm với nhiều chính sách và giải pháp hỗ trợ tích cực nhằm giúp cho những NKT trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp, bình đẳng đối với mọi nhóm đối tượng trong đời sống xã hội.

Chính vì vậy, biện pháp phổ biến sự bình đẳng về vấn đề học nghề và việc làm đối với NKT cho toàn xã hội gắn với các dịch vụ của CTXH dành cho họ tại Trung tâm nói chung và là mô hình phổ biến đối với các cơ sở, trung tâm xã hội hiện nay bao gồm:

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy nghề và tư vấn viên việc làm cho người khuyết tật một cách bài bản, chuyên nghiệp cao.
- Tư vấn học nghề và dạy nghề miễn phí, lựa chọn và học nghề theo khả năng, năng lực phù hợp với đặc điểm của chính NKT.
- Tư vấn việc làm miễn phí cho NKT khi đến với Trung tâm.
- Phục hồi chức năng lao động cho NKT thông qua các hoạt động CTXH chuyên nghiệp cùng các liệu pháp phục hồi chức năng đối với NKT trong cuộc sống nghề nghiệp.
- Ngoài ra, Trung tâm sẽ kết nối với các dịch vụ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi; hướng dẫn về sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm sau khi họ đã thực sự "*tự tin, vững tay nghề, vươn lên trong cuộc sống*" giúp đỡ cuộc sống của họ và bao người cùng cảnh ngộ với họ trong tương lai phía trước.

Chính vì vậy, để biện pháp về sự bình đẳng về vấn đề học nghề và việc làm đối với NKT cho toàn xã hội phát huy được hiệu quả và thực sự có ý nghĩa

trong đời sống xã hội, là kim chỉ nam cho chặng đường tương lai phía trước đối với NKT rất cần sự chung tay giúp sức của toàn xã hội, của những nhà NVCTXH có chuyên môn – kĩ năng nghề nghiệp cao hỗ trợ họ thêm tự tin hơn, không còn mặc cảm đối với bản thân mình, coi mình là một phần của xã hội tươi đẹp ngày nay với sự công bằng – bình đẳng và cơ hội phát triển nghề nghiệp như nhau với sự cố gắng nỗ lực của mỗi cá nhân NKT, tôi tin rằng họ sẽ làm được mà còn thực hiện và hoàn thành tốt hơn chúng ta bởi họ có niềm tin, sự ủng hộ giúp đỡ của toàn xã hội.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Trong những năm qua, hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật đã hỗ trợ và giúp đỡ cho trẻ em khuyết tật đến từ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đến tham gia hoạt động nghề nghiệp tại Trung tâm. Nhìn chung, chất lượng của công tác thực hiện hoạt động này đã và đang ngày càng được nâng cao bởi sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt từ phía những đối tượng thụ hưởng và những cán bộ trực tiếp thực hiện hoạt động tại Trung tâm. Trước đây, hoạt động hỗ trợ học nghề này chưa được chú trọng và thực hiện một cách bài bản, chính vì vậy với những ý kiến đóng góp trên sẽ giúp hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề tại Trung tâm ngày càng được phát triển và chuyên nghiệp hơn.

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật rất cần sự chung tay góp sức của toàn xã hội, của cả cộng đồng để thực sự phát huy được đúng vai trò là một hoạt động tiên phong trong hỗ trợ nghề nghiệp dành cho người khuyết tật đảm bảo nền An sinh xã hội phát triển bền vững hơn bao giờ hết.

KẾT LUẬN

Hỗ trợ, giúp đỡ và đồng hành cùng người khuyết tật trong những chặng đường còn khó khăn trong cuộc sống là một nghĩa cử cao đẹp, đặc biệt việc hỗ trợ trong hoạt động nghề nghiệp đối với họ là một trong những hoạt động thiết yếu của nền An sinh xã hội được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm và chú trọng, thể hiện đạo lý và truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta trong tình hình hiện nay.

Người khuyết tật – họ là một trong những nhóm đối tượng yếu thế do có sự khiếm khuyết trên cơ thể, dẫn tới sự giảm sút đáng kể trong việc thực hiện các chức năng so với người bình thường. Do vậy, người khuyết tật rất cần được tiếp cận, thụ hưởng và kế thừa các hoạt động của Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề để giúp họ có thể phát huy khả năng của chính mình, năng lực của bản thân, cải thiện cuộc sống và trở nên mạnh mẽ, tự tin hơn khi hòa nhập với cộng đồng.

“Lá lành đùm lá rách”

Vì vậy, người khuyết tật rất cần sự quan tâm, động viên kịp thời, sự chung tay góp sức của toàn xã hội để giúp họ tự tin hơn về bản thân mình trong cuộc sống hàng ngày. Những hoạt động của Công tác xã hội trong hỗ trợ nghề nghiệp dành cho người khuyết tật đã và đang đáp ứng được nhu cầu, nguyện

vọng và mong ước, khát vọng của họ đem đến sự phồn thịnh cho xã hội: “*Dân giàu thì đất nước mới mạnh được*”.

Hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội mang một ý nghĩa nhân văn sâu sắc nhằm giúp người khuyết tật thêm tự tin vào cuộc sống, cải thiện các vấn đề trong xã hội.

Nhắc đến “*hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật*” tại Trung tâm thì không thể không nhắc tới Ban lãnh đạo Trung tâm cùng các cán bộ, nhân viên xã hội đã có những đóng góp, bổ sung và hoàn thiện kịp thời nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động được tiếp cận phù hợp hơn đối với người khuyết tật trong hoạt động nghề nghiệp.

Với hy vọng rằng, hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội sẽ đến được với nhiều người khuyết tật hơn nữa, thật nhiều những mảnh đời kém may mắn trên mọi vùng miền của Tổ quốc.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A- Trong nước

1. Nguyễn Quốc Anh, Thực trạng khuyết tật và kết quả thực hiện chăm sóc người khuyết tật, Tổng cục thống kê 2010.
2. Báo cáo khảo sát về đào tạo nghề và việc làm cho NKT tại Việt Nam năm 2010.
3. Bộ luật lao động (Quốc hội, 2012).
4. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – VNAH – CRS (2015), Dạy nghề/ Việc làm đối với người khuyết tật ở Việt Nam – Chính sách và thực tiễn, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội.
5. Nghiên cứu của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội với đề tài: *“Vai trò của tổ chức người tàn tật trong việc xây dựng các chính sách, chương trình quốc gia về dạy nghề và việc làm cho người khuyết tật của bộ thương binh lao động và xã hội”*.
6. Công ước quốc tế về Quyền của người khuyết tật năm 2006.
7. Nguyễn Tiên Dũng (2011), *“Phát triển dạy nghề đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn mới”*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo (số 4).
8. Giáo trình Công tác xã hội với người khuyết tật (2014), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Kim Hoa (2014), *Công tác xã hội với Người khuyết tật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Luật người khuyết tật được Quốc hội thông qua 17/6/2010, có hiệu lực từ 01/01/2011.
11. Luật Giáo dục nghề nghiệp (Quốc hội, 2014).
12. Phạm Thị Kiều Lê (2014), Thực trạng hỗ trợ việc làm cho trẻ em khuyết tật – nghiên cứu tại Trung tâm dạy nghề Nhân đạo và Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa.

13. Luật Việc làm (Quốc hội, 2013).
14. Đỗ Thị Liên, Luận văn thạc sĩ 2014, “*Công tác xã hội đối với người khuyết tật từ thực tiễn thành phố Thanh Hóa*”, Học viện Khoa học xã hội.
15. TS. Bùi Thị Xuân Mai (2012), Giáo trình nhập môn công tác xã hội, NXB Lao động xã hội.
16. Quyết định 32/2010/QĐ-TTg phê duyệt đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 – 2020.
17. Quyết định số: 1019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 8 năm 2012 về phê duyệt đề án trợ giúp NKT giai đoạn 2012 – 2020.
18. GS. Hà Học Trạc, từ điển Bách khoa toàn thư.
19. TS. Hà Thị Thư (2012), Công tác xã hội với người khuyết tật, NXB Lao động xã hội.
20. Từ điển tiếng Việt (NXB Khoa học xã hội. Hà Nội 1988).
21. Nguyễn Thị Tâm (2016), Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ tạo dựng việc làm cho người khuyết tật trong độ tuổi lao động (nghiên cứu trường hợp tại thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội), tr. 8-9.
22. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VII.
23. “*Phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam đến năm 2020*” (năm 2013) - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ)

B-Ngoài nước

24. Khuyết tật và hòa nhập xã hội ở Ireland, Brenda Gannon and Brian Nolan, 2011.
25. Dark and Light Blind Care nghiên cứu năm 2008, “*Inclusion of disabled people Vocational Training and income*”.

PHỤ LỤC

BẢNG HỎI THU THẬP THÔNG TIN VỀ VIỆC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI KHUYẾT TẬT TẠI TRUNG TÂM DẠY NGHỀ TỪ THIỆN QUỲNH HOA, HUYỆN THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI.

(Ngày ... tháng ... năm 2019)

Xin chào anh/chị!

Bảng hỏi này được xây dựng nhằm tìm hiểu việc “thực hiện hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật” tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Xin anh/chị vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu X vào ý kiến phù hợp với ý kiến của mình. Mọi thông tin anh/chị cung cấp hoàn toàn chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn anh/chị!

Phần I. Thông tin cá nhân:

A1. *Họ và tên (có thể ghi hoặc không)*

A2. *Giới tính:* Nam Nữ

A3. *Độ tuổi:*

- Từ 15 đến 18 tuổi

- Từ 19 đến 24 tuổi

- Từ 25 đến 28 tuổi

A3. *Trình độ học vấn:*

- Trung học cơ sở

- Trung học phổ thông

- Trung cấp

- Cao đẳng

- Đại học và sau đại học

A4. Dạng khuyết tật:

- Khuyết tật vận động

- Khuyết tật trí tuệ

- Khuyết tật thính giác

- Khuyết tật thị giác

- Khuyết tật thần kinh, tâm thần

Phần II. Nội dung điều tra thực trạng hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.

C1. Theo anh/chị, hiện nay Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội đã áp dụng những hoạt động hỗ trợ học nghề nào dành cho người khuyết tật dưới đây?

- Hoạt động tư vấn tâm lý trước những khó khăn liên quan đến học nghề

- Hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm

- Hoạt động kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho NKT học nghề

- Hoạt động hỗ trợ, tư vấn nghề nghiệp dành cho NKT

- Hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với NKT

- Hoạt động nâng cao kỹ năng nghề trong quá trình học tập

C2. Theo anh/chị nhóm đối tượng khuyết tật nào đang chủ yếu được học nghề tại Trung tâm?

- Khuyết tật vận động

- Khuyết tật trí tuệ

- Khuyết tật về thính giác

- Khuyết tật về thị giác

- Khuyết tật thần kinh, tâm thần

C3. Theo anh/chị, Công tác xã hội trong hoạt động hỗ trợ học nghề dành cho những nhóm đối tượng khuyết tật nào tại Trung tâm?

- Khuyết tật vận động
- Khuyết tật trí tuệ
- Khuyết tật về thính giác
- Khuyết tật về thị giác
- Khuyết tật thần kinh, tâm thần
- Tất cả phương án trên

C4. Hiện nay, Trung tâm có những mô hình học nghề nào dành cho người khuyết tật?

- Mô hình cá nhân
- Mô hình học nhóm
- Mô hình từ thiện
- Mô hình y tế
- Mô hình xã hội

C5. Theo anh/chị, những nhóm ngành nghề nào đang được Trung tâm dành cho nhóm đối tượng người khuyết tật?

- Ngành nghề may mặc
- Ngành nghề thủ công (đan lát, cuốn giấy 12 con giáp)
- Ngành nghề thủ công mỹ nghệ
- Ngành nghề cơ khí
- Ngành nghề mộc, chạm khắc
- Các ngành nghề khác

C6. Theo anh/chị, hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề có đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng đối với người khuyết tật tại Trung tâm không?

- Có

--

- Không

- Ý kiến khác

C7. Theo anh/ chị người khuyết tật học nghề tại Trung tâm có nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ chức trong và ngoài nước không?

- Có

- Không

- Ý kiến khác

C8. Nếu có, sự hỗ trợ - giúp đỡ dành cho người khuyết tật trong hoạt động học nghề đến từ những tổ chức nào?

- Tổ chức Hỗ trợ - Giáo dục trẻ em thiệt thòi Việt Nam (OSEDC)

- Hội Bảo trợ Người tàn tật và Trẻ em mồ côi Thành phố Hà Nội

- Chính quyền địa phương (Hội cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ, ...)

- Các doanh nghiệp, cá nhân, đơn vị tuyển dụng người khuyết tật

- Tổ chức hỗ trợ nhân đạo cho Trẻ em Việt Nam

- Các tổ chức khác

C9. Theo anh/chị, khi thực hiện hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với các nhóm đối tượng tại Trung tâm có những thuận lợi nào sau đây?

- Sự hỗ trợ, quan tâm kịp thời của lãnh đạo các cấp, các Bộ ban ngành, của chính quyền địa phương

- Được sự giúp đỡ của các tổ chức, các doanh nghiệp, đơn vị

- Sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm, các mạnh thường quân

- Sự đóng góp của những người làm nghề tại Trung tâm

- Những thuận lợi khác

C10. Theo anh/chị những khó khăn khi thực hiện hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với các nhóm đối tượng tại Trung tâm là gì?

- Đội ngũ nhân viên xã hội còn thiếu, nhất là các nhân viên chuyên môn

trong công tác hướng nghiệp đối với cho người khuyết tật

- Hệ thống các trang thiết bị, cơ sở vật chất còn hạn chế
- Hệ thống các chính sách xã hội chưa phát huy và tiếp cận được trong công tác hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật.

- Địa điểm của Trung tâm trong công tác dạy nghề dành cho các nhóm đối tượng còn chật hẹp, hạn chế việc mở rộng và phát triển

- Những khó khăn khác

C11. Theo anh/chị những yếu tố sau đây có ảnh hưởng đến việc thực hiện hoạt động Công tác xã hội tại Trung tâm không?

Yếu tố	Có	Không
- Cơ chế chính sách		
+ Sự đầy đủ của chính sách		
+ Sự phù hợp của chính sách		
+ Sự kịp thời		
+ Sự hướng dẫn thi hành của cán bộ		
+ Cơ chế về các thủ tục hành chính thực hiện		
- Cơ sở vật chất		
+ Sự đầy đủ		
+ Về đáp ứng được nhu cầu		
+ Khác		
- Đội ngũ cán bộ		
+ Kiến thức		
+ Kỹ năng		
+ Thái độ		
+ Kinh nghiệm		
+ Trình độ đào tạo		

C12. Theo anh/chị, hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội có ý nghĩa như thế nào?

- Đảm bảo nền An sinh xã hội một cách bền vững
- Nâng cao chất lượng các chính sách xã hội dành cho người khuyết tật nói chung và hoạt động công tác nghề nghiệp nói riêng
- Cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống, giúp người khuyết tật hòa nhập với cộng đồng
- Cả 3 phương án trên
- Ý nghĩa khác

(Dành cho lãnh đạo và cán bộ nhân viên trung tâm)

Xin chào anh/chị!

Nhằm thực hiện luận văn thạc sỹ chuyên ngành công tác xã hội với đề tài “*Hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật*” tại trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Việc tham gia trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát của anh/chị sẽ góp phần nâng cao và phát triển các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm. Mọi thông tin mà anh/chị cung cấp sẽ được kiểm soát chặt chẽ và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu và đảm bảo tính khuyết danh.

1. Thưa anh/chị! Em được biết trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa là một cơ sở dạy nghề từ thiện dành cho người khuyết tật với nhiều dạng tật khác nhau, chính vì vậy hiện nay có những nhóm đối tượng học viên nào đang được hỗ trợ học nghề tại Trung tâm?
2. Ngoài ra, Trung tâm có hỗ trợ học nghề cho những nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội nào khác không?
3. Tại Trung tâm, người khuyết tật đã và đang được theo học những nghề gì?
4. Anh/chị có thể cho em biết về những hoạt động Công tác xã hội tại trung tâm từ khi thành lập đến nay không?
5. Anh/chị có thể chia sẻ cho em biết về những hoạt động của Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề cho người khuyết tật tại trung tâm là gì?
6. Thưa anh/chị, học viên khi tham gia học nghề tại trung tâm có được hoàn toàn hỗ trợ học phí học nghề?
7. Những nghề nghiệp dành cho người khuyết tật khi tham gia học nghề tại Trung tâm là gì?
8. Trung tâm có thường xuyên tổ chức những lớp tập huấn hoặc cử cán bộ đi tập huấn các lớp hỗ trợ hoạt động học nghề dành cho người khuyết tật không?

9. Qua tìm hiểu và nghiên cứu trước đây, trung tâm đã và đang thực hiện những hoạt động Công tác xã hội trong công tác học nghề đối với các học viên là người khuyết tật. Anh/chị, có thể chia sẻ cụ thể những hoạt động trong hỗ trợ nghề nghiệp dành cho họ?

- Hoạt động tư vấn tâm lý trước các khó khăn liên quan đến học nghề.
- Hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm.
- Hoạt động kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho người khuyết tật học nghề.
- Hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với người khuyết tật.

10. Theo anh/chị, những hoạt động hỗ trợ học nghề dành cho người khuyết tật đó gặp phải những thuận lợi và khó khăn như thế nào?

11. Theo anh/chị những yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm?

12. Ngoài những hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật thì trung tâm còn tổ chức những hoạt động ngoại khóa nào khác dành cho họ không?

13. Đề xuất của anh/chị nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm?

14. Anh/chị có thể cho em biết về những định hướng mới của trung tâm trong thời gian tới trong công tác hỗ trợ nghề nghiệp đối với các học viên là người khuyết tật không?

Rất cảm ơn những thông tin mà anh/chị đã cung cấp cho em trong buổi phỏng vấn này. Những thông tin này sẽ rất có ích cho đề tài luận văn thạc sỹ - chuyên ngành Công tác xã hội mà em đang thực hiện. Và trong quá trình thực hiện cuộc nghiên cứu của mình, em cũng rất mong nhận được sự giúp đỡ nhiệt thành từ phía trung tâm.

Xin chân thành cảm ơn !

PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU

(Dành cho học viên trung tâm)

Xin chào anh/chị!

Nhằm thực hiện luận văn thạc sỹ chuyên ngành công tác xã hội với đề tài “*Hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật*” tại trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Việc tham gia trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát của anh/chị sẽ góp phần nâng cao và phát triển các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm. Mọi thông tin mà anh/chị cung cấp sẽ được kiểm soát chặt chẽ và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu và đảm bảo tính khuyết danh.

1. Anh/ chị đã học tập và làm việc ở trung tâm lâu chưa?
2. Anh/ chị cảm thấy như thế nào khi được học tập và làm việc tại Trung tâm?
3. Anh/chị đã được Trung tâm hướng dẫn và làm việc ngành nghề nào?
4. Đối với anh/chị, ngành nghề đó gặp phải những thuận lợi và khó khăn gì?
5. Anh/chị có thể cho em biết những hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm là gì?
6. Những hoạt động hỗ trợ đó có hiệu quả như thế nào đối với anh/chị?
7. Anh/chị có thể chia sẻ về ý nghĩa và tầm quan trọng của “*hoạt động tư vấn tâm lý trước những khó khăn liên quan đến học nghề*” trong hỗ trợ nghề nghiệp? Những mong muốn và đề xuất của anh/chị đối với hoạt động này?
8. Anh/chị có thể chia sẻ về ý nghĩa và tầm quan trọng của “*hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề và việc làm*” trong hỗ trợ nghề nghiệp? Những mong muốn và đề xuất của anh/chị đối với hoạt động này?

9. Anh/chị có thể chia sẻ về ý nghĩa và tầm quan trọng của “*hoạt động kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho người khuyết tật học nghề*” trong hỗ trợ nghề nghiệp? Những mong muốn và đề xuất của anh/chị đối với hoạt động này?
10. Anh/chị có thể chia sẻ về ý nghĩa và tầm quan trọng của “*hoạt động liên kết các mô hình nghề phù hợp đối với người khuyết tật*” trong hỗ trợ nghề nghiệp? Những mong muốn và đề xuất của anh/chị đối với hoạt động này?
11. Đối với anh/chị, những yếu tố nào ảnh hưởng tới hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm?
12. Chính vì vậy, anh/chị có thể chia sẻ những mong muốn và nguyện vọng trong việc nâng cao chất lượng của “*hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật*” tại Trung tâm dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội?

Rất cảm ơn những điều mà chị đã chia sẻ. Những thông tin này sẽ rất có ích cho đề tài luận văn thạc sỹ - chuyên ngành Công tác xã hội mà em đang thực hiện. Trong quá trình thực hiện cuộc nghiên cứu của mình, em rất mong nhận được sự giúp đỡ từ phía anh/chị.

Xin chân thành cảm ơn!

